

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
VIETNAM POWER DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 521/VNPD-KTKH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025

V/v công bố thông tin về Báo cáo thường
niên năm 2024

*Regarding the Announcement of
information on the 2024 Annual Report*

Kính gửi/ *Respectfully to:*

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
Ho Chi Minh Stock Exchange.

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Name: VIETNAM POWER DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã chứng khoán/ *Stock code:* VPD

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện
Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

*Head office address: 2nd Floor - CT2 - 286 Nguyen Xien, Tan Trieu Commune,
Thanh Tri District, Ha Noi City*

Điện thoại/ *Phone:* 024 221 31580

Fax: 024 355 27987

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tùng Phương

Information disclosure person: Nguyen Tung Phuong

Địa chỉ: Số 4 Yên Bình, Phường Phúc La, Quận Hà cĐông, Thành phố Hà Nội

Address: No. 4 Yen Binh, Phuc La Ward, Ha Dong District, Ha Noi City

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Position: Deputy General Director

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu

Information type published: ☐ 24h ☒ Periodical ☐ Abnormal ☐ On Demand

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.

Information disclosure content: Annual Report 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần

Phát triển Điện lực Việt Nam vào ngày 16/04/2025 tại đường dẫn/ *This information was published on the website of Vietnam Power Development Joint Stock Company on April 16, 2025 at the link: <https://vnpd.com.vn>*

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Vietnam Power Development Joint Stock Company hereby commits that the information published above is true and is fully responsible before the law for the content of the published information./.

Nơi nhận:

Recipient

- Như kính gửi/ *As above;*
- HĐQT, BKS (b/c)/ *BOD, SB (r/p);*
- TGĐ (b/c)/ *GD (r/p);*
- VP.HĐQT/ *O.BOD;*
- Lưu: VT, PKTKH.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE PERSON**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

OBO. GENERAL DIRECTOR

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Tùng Phương



EVN*DEVELOPMENT*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2024

MỤC LỤC

Phần mở đầu

- Thông điệp của Ban lãnh đạo 6
- Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020 – 2024 8
- Sự kiện tiêu biểu 2024 9

Thông tin chung

- Thông tin khái quát 12
- Ngành nghề, địa bàn 16
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý 18
- Định hướng phát triển 20
- Các rủi ro 22

Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động SXKD 28
- Tổ chức và nhân sự 30
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 36
- Tình hình tài chính 40
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 44

Báo cáo, đánh giá của Ban TGD

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 48
- Tình hình tài chính 50
- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 54
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 58
- Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) 63

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty 68
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ 68
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 69

Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị 73
- Ban kiểm soát 80
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát 81
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 83

Báo cáo phát triển bền vững

- Giới thiệu báo cáo 92
- Mục tiêu phát triển bền vững 94
- Đánh giá của Ban TGD 95
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững 98

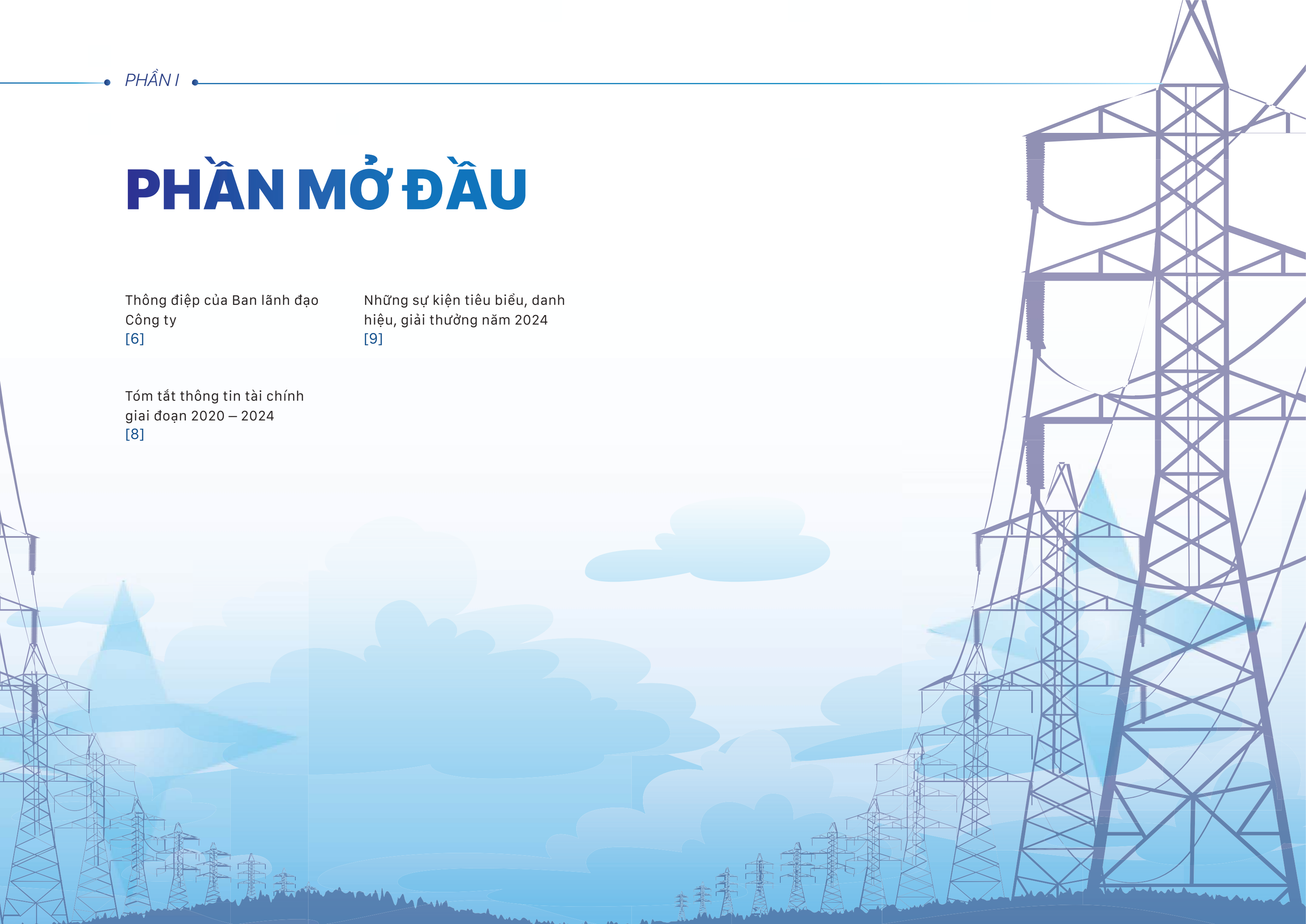
Báo cáo tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Ban lãnh đạo
Công ty
[6]

Những sự kiện tiêu biểu, danh
hiệu, giải thưởng năm 2024
[9]

Tóm tắt thông tin tài chính
giai đoạn 2020 – 2024
[8]



THÔNG DIỆP của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết, cùng đồng hành với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực trong suốt những tháng năm qua.

Năm 2024, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi sức sản xuất của doanh nghiệp và sức mua của người tiêu dùng vẫn chưa phục hồi vững chắc sau những biến động kinh tế trước đó. Bên cạnh đó, tình hình chính trị - kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, xung đột địa chính trị kéo dài và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nước ta với độ mở cao. Đặc biệt, trong năm 2024, Việt Nam còn chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ cơn bão Yagi, gây thiệt hại lớn về cơ sở hạ tầng, sản xuất và đời sống của người dân tại nhiều khu vực. Những tác động của bão không chỉ làm gián đoạn chuỗi cung ứng mà còn đặt thêm áp lực lên nền kinh tế vốn đang trong giai đoạn phục hồi, khiến doanh nghiệp và người dân gặp nhiều khó khăn hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

Nhưng cũng chính trong năm 2024, vượt qua tất cả các khó khăn trên, tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên VNPD tự hào tuyên bố đã đạt được nhiều điểm sáng vô cùng tích cực, hoàn thành xuất sắc vượt chỉ tiêu các kế hoạch, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2024. Năm 2024, VNPD đã nỗ lực

hết mình hoàn thành vượt kế hoạch được giao, sản lượng điện thương phẩm đạt 520,325 triệu kWh, đạt 115,10% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 212,228 tỷ VNĐ vượt 49,73% kế hoạch. Những thành công trên là cơ sở để VNPD tiến hành chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 14% bằng tiền mặt, đây chính là sự bảo đảm của công ty với các cổ đông, các nhà đầu tư có thể yên tâm với sự phát triển của doanh nghiệp. Trong năm 2024, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình chuyển đổi số, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Những nỗ lực này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận hành mà còn góp phần xây dựng một môi trường làm việc an toàn, hiện đại và bền vững. VNPD cũng đặc biệt chú trọng đến công tác truyền thông và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng. Dưới sự chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo, hình ảnh và uy tín của công ty ngày càng được củng cố. Điều này không chỉ giúp nâng cao vị thế của doanh nghiệp mà còn khẳng định vai trò của VNPD trong việc phát triển bền vững, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của xã hội.

Thưa Quý vị thân mến, chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đối với sự tin yêu, đồng hành và chia sẻ của Quý Cổ đông và Đối tác. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ quý báu của Quý vị để chúng ta có thể cùng vững bước trên con đường phát triển của Công ty, nâng tầm thương hiệu và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý Cổ đông.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững của VNPD. Xin kính chúc Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ công nhân viên sức khỏe và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

Ban lãnh đạo

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam



THÔNG TIN TÀI CHÍNH 2020 - 2024

Chỉ tiêu	2024	2023	2022	2021	2020
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu thuần <i>(tỷ đồng)</i>	586,228	541,885	681,347	568,568	455,199
Lợi nhuận gộp <i>(tỷ đồng)</i>	311,122	279,063	402,505	298,381	204,958
Lợi nhuận trước thuế <i>(tỷ đồng)</i>	265,824	220,021	330,083	192,298	93,768
Lợi nhuận sau thuế <i>(tỷ đồng)</i>	212,228	190,500	284,019	164,086	80,429
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.991	1.649	2.508	1.539	755
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản <i>(tỷ đồng)</i>	1.737,881	1.816,804	2.005,785	2.069,164	2.160,928
Nợ phải trả <i>(tỷ đồng)</i>	334,547	248,536	472,935	704,808	892,780
Vốn chủ sở hữu <i>(tỷ đồng)</i>	1.403,334	1.568,268	1.532,850	1.364,355	1.268,147
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (%)	36,20%	35,15%	41,68%	28,86%	17,67%
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	11,94%	9,97%	13,94%	7,76%	3,62%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	14,28%	12,29%	19,61%	12,47%	6,40%



586,2^{tỷ VNĐ}
DOANH THU THUẦN

265,8^{tỷ VNĐ}
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



1.737,8^{tỷ VNĐ}
TỔNG TÀI SẢN
(tại ngày 31/12/2024)

212,2^{tỷ VNĐ}
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



1.403,3^{tỷ VNĐ}
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(tại ngày 31/12/2024)

126 NHÂN VIÊN



3 NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNPD

" Năm 2024, VNPD tự hào nhận được Bằng khen từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ghi nhận những đóng góp xuất sắc của công ty trong quá trình hoạt động và phát triển. Đây không chỉ là sự khẳng định cho những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, nhân viên VNPD mà còn là động lực để công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới sáng tạo và đóng góp nhiều hơn nữa vào sự phát triển của ngành điện lực Việt Nam."

THÔNG TIN CHUNG

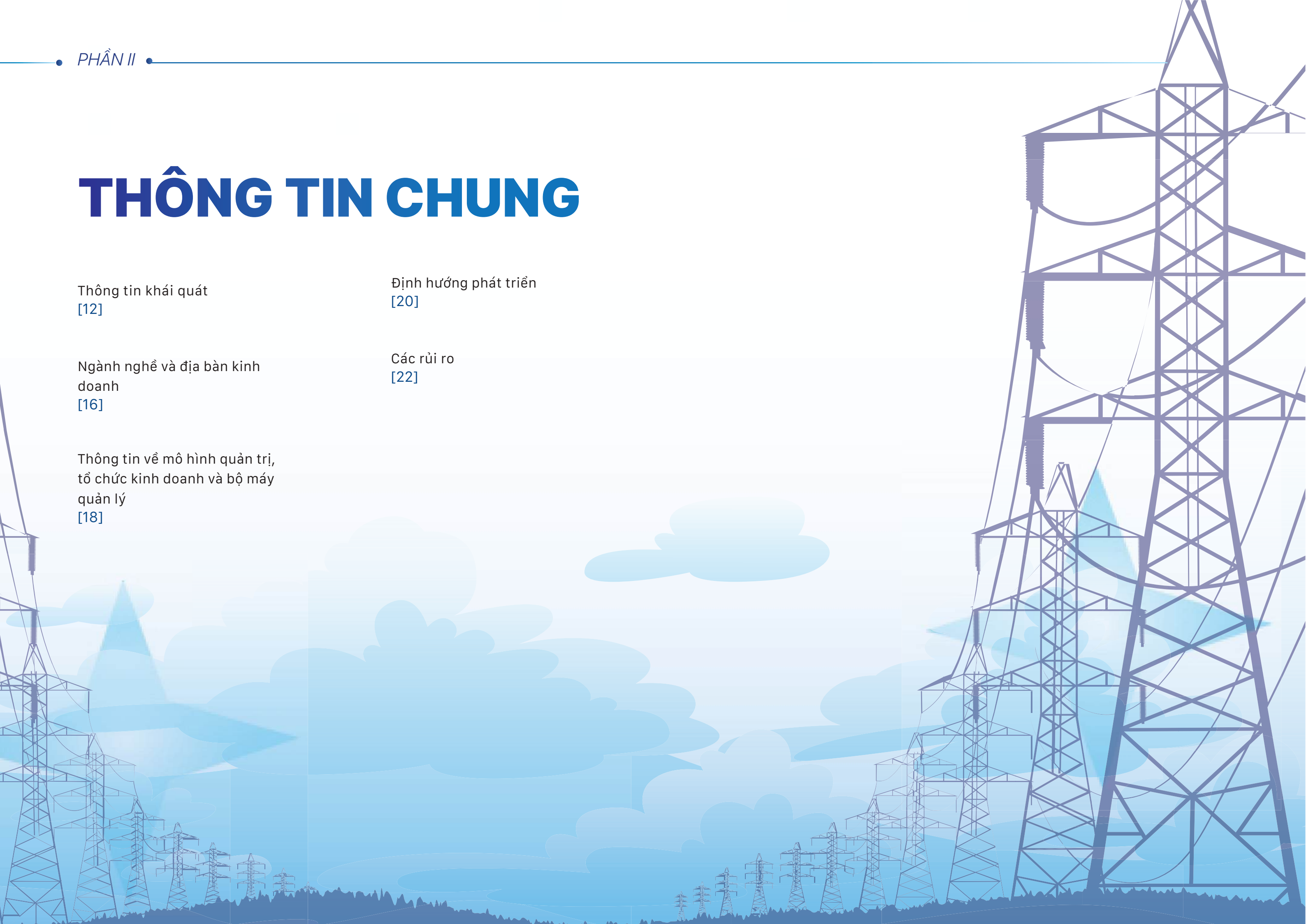
Thông tin khái quát
[12]

Định hướng phát triển
[20]

Ngành nghề và địa bàn kinh
doanh
[16]

Các rủi ro
[22]

Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy
quản lý
[18]



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	- Mã số doanh nghiệp: 0101264520 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 số 0101264520 ngày 13/12/2023		
Vốn điều lệ	1.065.896.290.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.065.896.290.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Điện thoại	024.22131580	Fax	024.35527987
Mã cổ phiếu	VPD	Website	http://www.vnpd.com.vn



Chặng đường hình thành và phát triển

2002

Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng

2003

Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Mả (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW)

2004

Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW). Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XDCB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009

2024

2017

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định Niêm yết số 482/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

2009

Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ-VNPD-HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty

2007

Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bốc tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013



Địa bàn kinh doanh

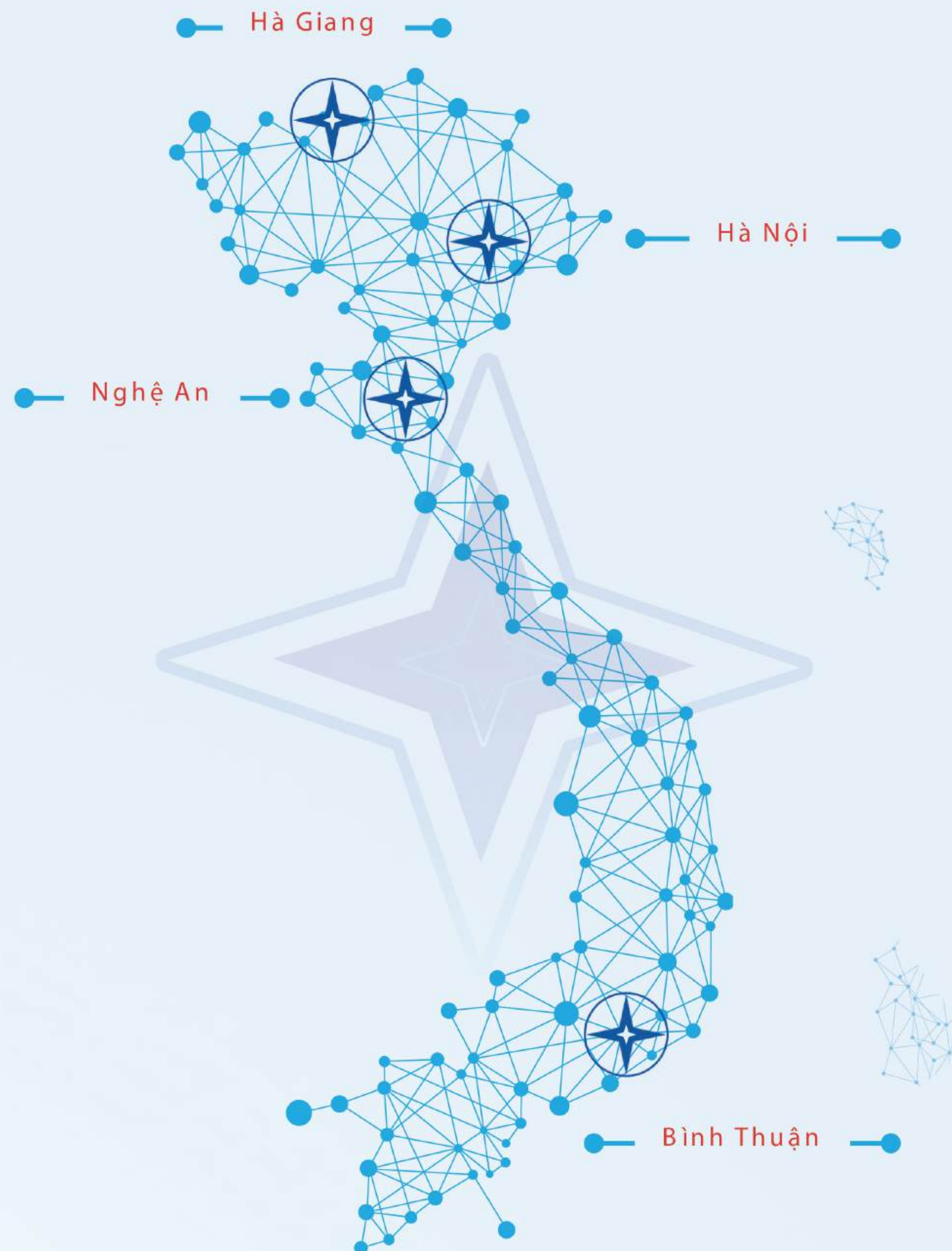
Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau:

- Trụ sở văn phòng: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.
- Các chi nhánh:
 - Nhà máy Thủy điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
 - Nhà máy Thủy điện Bắc Bình tại thôn Suối Nhuôm, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
 - Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
 - Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.



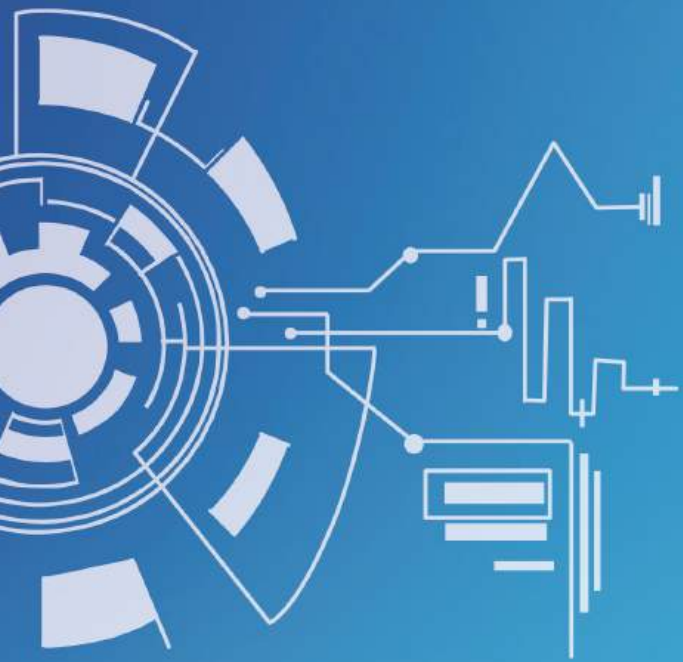
Ngành nghề kinh doanh chính

Lĩnh vực chính: hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất điện



Mô hình quản trị

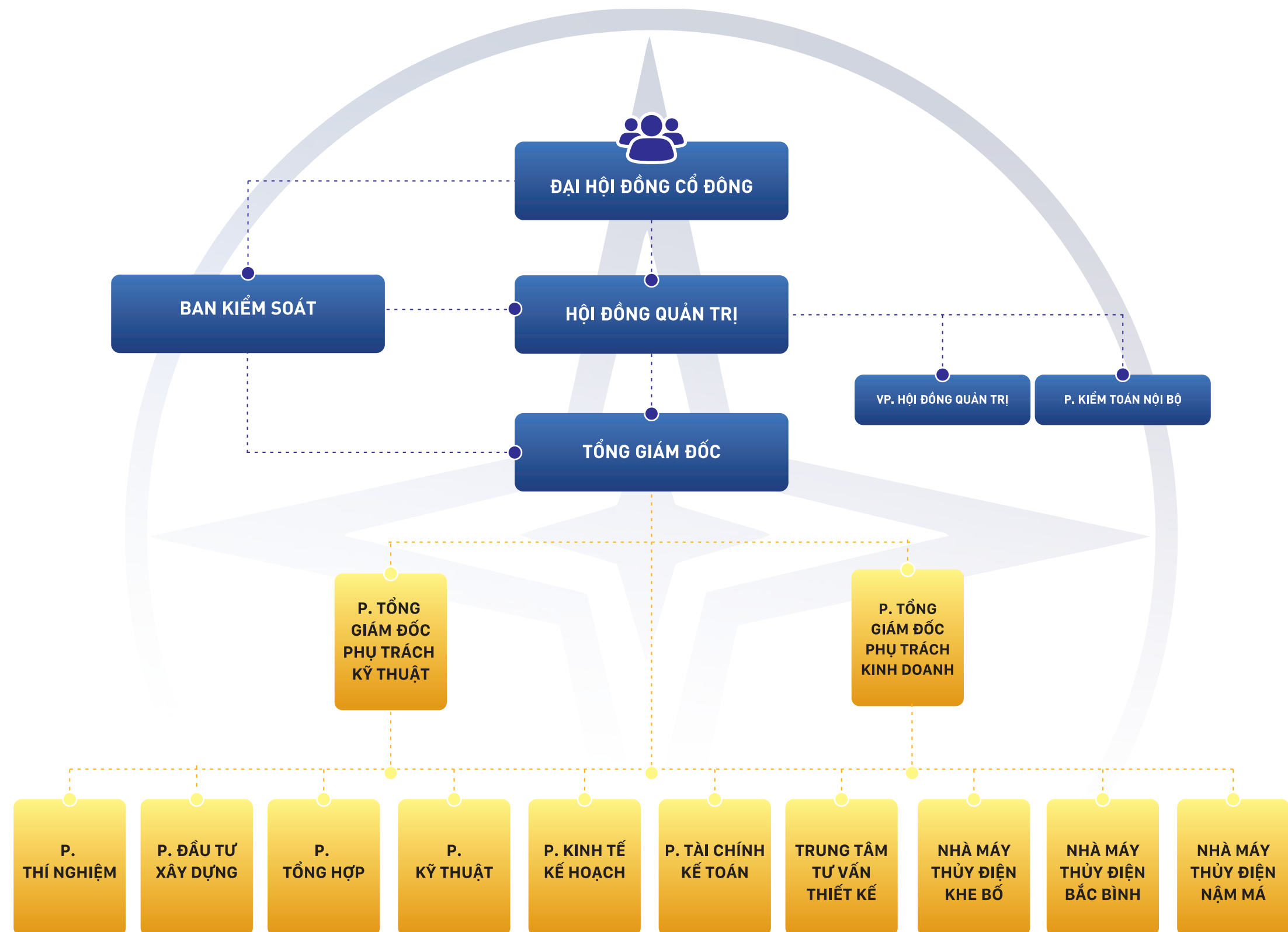
Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.



Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Các mục tiêu chủ yếu

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định, hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bốc;
- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục không để xảy ra sự cố;
- Sửa chữa các tổ máy của các Nhà máy điện đúng tiến độ, đảm bảo vận hành tin cậy;
- Thực hiện các hợp đồng với đơn vị ngoài Công ty thuộc các ngành nghề được pháp luật cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;
- Tìm kiếm đầu tư mới các dự án thủy điện và các dạng năng lượng khác.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các Nhà máy thủy điện Khe Bốc, Bắc Bình và Nậm Mả do Công ty quản lý đều thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm các nhà máy thực hiện quan trắc giám sát chất lượng nước, môi trường không khí môi trường lao động đầy đủ.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Bộ Công Thương hiện đã đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử toàn bộ Dự thảo Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (Quy hoạch điện VIII).

Chương trình phát triển nguồn điện: Tới năm 2030, tổng công suất đặt nguồn điện của Việt Nam đạt 137,2 GW (trong đó NĐ than: 27%; NĐ khí 21%; thủy điện 18%; điện gió, MT và NLTT khác 29%, nhập khẩu khoảng gần 4%; thủy điện tích năng và các loại thiết bị lưu trữ năng lượng khác khoảng gần 1%); năm 2045 tổng công suất đặt của nguồn điện đạt gần 276,7GW (trong đó NĐ than: 18%; NĐ khí 24%; thủy điện 9%; điện gió, MT và NLTT khác trên 44%, nhập khẩu khoảng gần 2%, thủy điện tích năng và các loại thiết bị lưu trữ năng lượng khác khoảng 3%). Cơ cấu nguồn điện cho thấy QHĐ VIII khuyến khích phát triển mạnh mẽ NLTT (ngoài thủy điện), từ khoảng 13% năm 2020 lên tới gần 30% năm 2030 và 44% năm 2045. Đây là xu hướng phù hợp với sự phát triển của trên thế giới.

Công ty tiếp tục định hướng chiến lược mở rộng đầu tư vào các dự án năng lượng sạch như điện mặt trời, điện gió và thủy điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng và hướng tới phát triển bền vững. Bên cạnh đó, thủy điện vẫn là lĩnh vực quan trọng trong định hướng dài hạn của Công ty, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu suất, giảm tác động đến môi trường và đảm bảo an ninh năng lượng.

Với cam kết phát triển bền vững, Công ty không ngừng nghiên cứu, hợp tác và mở rộng đầu tư để thúc đẩy các dự án năng lượng tái tạo, đóng góp tích cực vào nền kinh tế xanh và giảm phát thải carbon.

CÁC RỦI RO

01

RỦI RO KINH TẾ

Môi trường kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... luôn có tác động trực tiếp đến sự phát triển của doanh nghiệp. Đặc biệt, với lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là đầu tư và phát triển nguồn điện, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD) chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô.

Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, cùng với chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ điện – đặc biệt tại các khu công nghiệp – cũng gia tăng đáng kể, tạo động lực thúc đẩy sản xuất và mở rộng quy mô ngành điện. Ngược lại, trong giai đoạn kinh tế suy giảm, khi dòng vốn đầu tư chững lại và hoạt động công nghiệp bị thu hẹp, nhu cầu điện năng cũng sụt giảm, ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành và phát triển của công ty. Do đó, việc thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của nền kinh tế là yếu tố then chốt để VNPD duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

02

RỦI RO PHÁP LÝ

VNPD là một pháp nhân được thành lập tại Việt Nam, hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, cùng với đặc điểm về ngành nghề nên chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực,... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra, vì là công ty đại chúng Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Đáp ứng lộ trình hội nhập toàn cầu và những thay đổi của nền kinh tế, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đang ở giai đoạn đổi mới mạnh mẽ, vừa tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, vừa là những thách thức trước sự cạnh tranh của một sân chơi rộng mở hơn. Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý nhằm đảm bảo các hoạt động cũng như định hướng, chiến lược phát triển của công ty tuân thủ đúng quy định có liên quan.

03

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro khá phổ biến mà các doanh nghiệp cũng như những ngân hàng, tổ chức tài chính phải đối mặt và nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và tài sản của tổ chức. VNPD cũng không phải ngoại lệ khi phải đối mặt với rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, VNPD thường xuyên chủ động theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

04

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Cụ thể việc xả lũ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây ra các thiệt hại kinh tế nghiêm trọng. Nếu xảy ra kiện tụng, có thể các công ty thủy điện sẽ phải tiến hành đền bù cho người dân, số tiền đền bù sẽ rất lớn, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro môi trường, thời tiết

Đối với VNPD, sản xuất kinh doanh chủ yếu hiện tại là nhà máy thủy điện, do đó diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của Công ty. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nói chung và VNPD nói riêng. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn, Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển

thủy điện; tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro đặc thù của ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; việc đánh giá sai này có thể dẫn tới việc các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá mực nước dâng bình thường của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.

Bên cạnh đó, NMTĐ Khe Bố là nhà máy lớn nhất của Công ty, tuy nhiên hồ chứa của nhà máy chỉ điều tiết được dưới 2 ngày, do đó việc phát điện không được chủ động, đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Hơn nữa, việc vận hành còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (Ao).

Rủi ro về điều chỉnh giá bán điện

Giá bán điện của nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình đã được thực hiện theo các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN. Nhà máy thủy điện Nậm Má được thực hiện theo giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực phê duyệt hằng năm. Do đó giá bán điện của công ty có tính ổn định cao. Giá bán điện đối với Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình chỉ thay đổi khi tham gia thị trường điện.

Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế

Hiện nay trên thế giới, các nhà khoa học đã tìm ra rất nhiều nguồn năng lượng thay thế mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng hạt nhân, thậm chí cả những nguồn năng lượng từ các loại khí. Tuy nhiên, thủy điện vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng đặc biệt là tại Việt Nam. Lợi ích lớn nhất của thủy điện là hạn chế được giá thành nhiên liệu. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện cũng có tuổi thọ lớn hơn các nhà máy nhiệt điện và chi phí nhân công thấp hơn. Trước tình hình kinh tế và tiến bộ khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế, lợi dụng ưu thế về vị trí địa lý và thiên nhiên của mình, Việt Nam vẫn đang là quốc gia chú trọng thủy điện – cộng hưởng phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Do đó, VNPD với định hướng phát triển đúng đắn và đội ngũ nhiều kinh nghiệm của mình cũng đang nỗ lực để trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành công nghiệp sản xuất điện năng tại thị trường Việt Nam.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

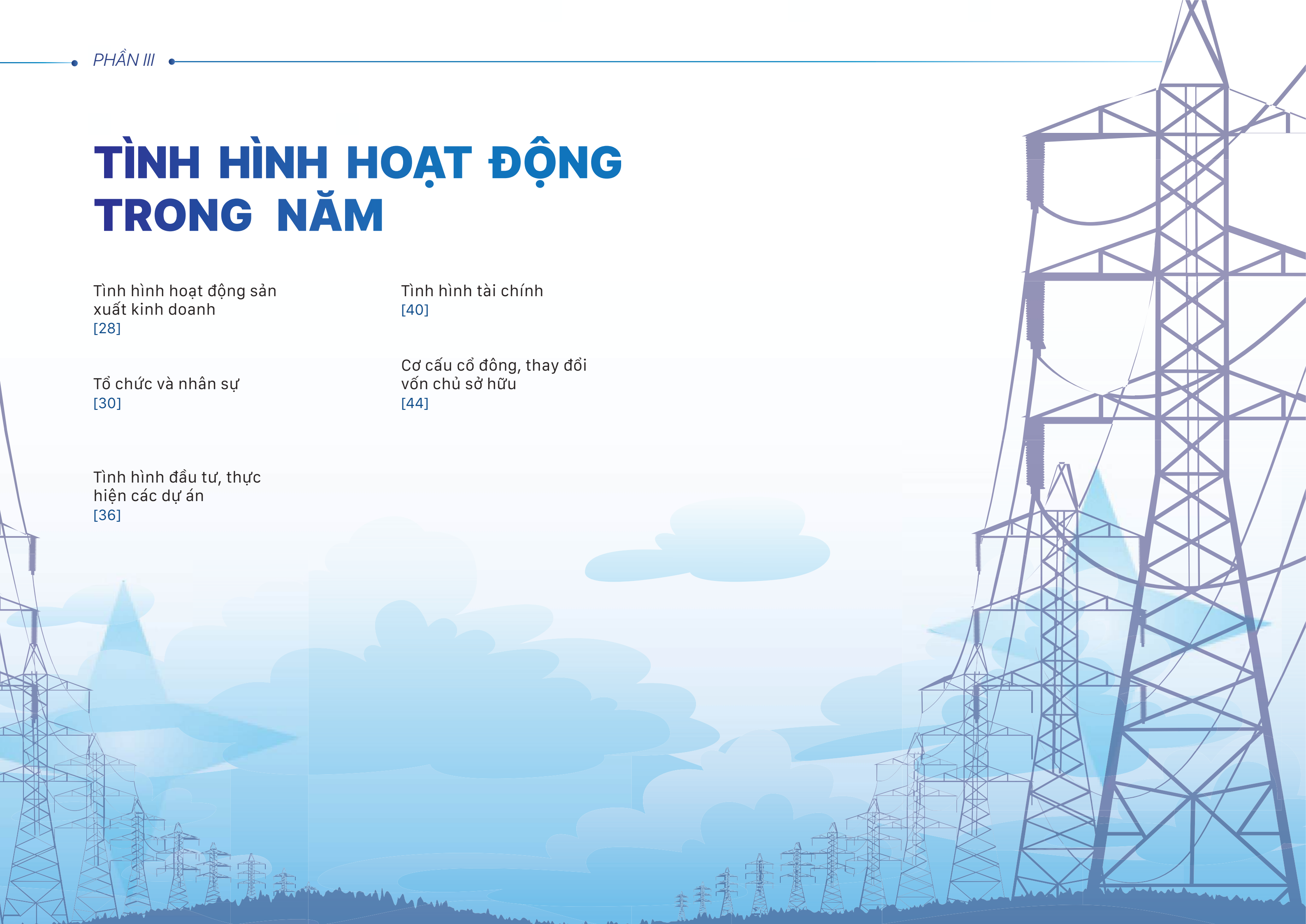
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
[28]

Tổ chức và nhân sự
[30]

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
[36]

Tình hình tài chính
[40]

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu
[44]



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2024 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được ĐHĐCĐ 2024 thông qua tại Nghị quyết số 627/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đến 31/12/2024 như sau:

STT	Nội dung KH	Đơn vị tính	KH năm 2024 ĐHĐCĐ giao	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	452,065	520,325	115,10
1.1	- Thủy điện Nậm Má	Tr. kWh	13,367	15,456	115,62
1.2	- Thủy điện Bắc Bình	Tr. kWh	85,711	96,460	112,54
1.3	- Thủy điện Khe Bố	Tr. kWh	352,986	408,408	115,70
2	Đầu tư xây dựng	Tr đồng	52.652,957	5.788,767	10,99
3	Doanh thu	Tr đồng	509.249,126	595.961,648	117,03
4	Tổng chi phí	Tr đồng	331.783,342	330.136,792	99,50
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	141.741,549	212.228,175	149,73
6	Cổ tức	%	14,0%	16,0%	114,29

Với kết quả như trên, năm 2024 Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và cổ tức được giao, không hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng. Cụ thể như sau:

Chi phí

Đến 31/12/2024, tổng chi phí toàn Công ty thực hiện là 330.136,791 triệu đồng tương đương 99,50% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, 99,09% so với kế hoạch Hội đồng quản trị duyệt điều chỉnh.

Công tác sản xuất điện

Trong năm 2024 các nhà máy vận hành ổn định, an toàn theo điều độ của A0 và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2024 sản lượng điện thương phẩm toàn Công ty đạt 520.324.580 kWh/452.064.547 kWh tương đương 115,10% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Căn cứ tình hình thủy văn thực tế, tần suất nước về trung bình năm 2024 của các nhà máy như sau:

- Nhà máy thủy điện Khe Bố: Lưu lượng nước về trung bình năm 2024 là 275,71 m³/s (tần suất 27%) nhưng chủ yếu tập trung vào quý III. Trong các tháng 7, 8 và 9 ghi nhận các đợt lũ lớn trên hệ thống sông Cà, buộc nhà máy phải xả nước qua đập tràn tại nhiều thời điểm.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Lưu lượng nước về hồ trung bình năm 2024 đạt 20,104 m3/s (tần suất 43,94%). Tuy nhiên, lượng nước về trong các tháng 4 (tần suất 83%) và các tháng 11 (tần suất 90%), 12 (tần suất 95%) thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm.

Với tình hình thủy văn như trên, cùng với thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa, khai thác tốt lượng nước về nên năm 2024 các Nhà máy thủy điện Nậm Má, Bắc Bình, Khe Bố hoàn thành vượt kế hoạch.

Doanh thu

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 595.961,648 triệu đồng, đạt 117,03 % so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, đạt 110,52% so với kế hoạch Hội đồng quản trị duyệt điều chỉnh. Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện là 586.228,643 triệu đồng đạt 115,23% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Đối với doanh thu sản xuất điện năm 2024 của Nhà máy thủy điện Nậm Má: Công ty hiện đang đàm phán với EVNNPC về giá bán điện mới của nhà máy nên giá trị doanh thu từ tháng 5/2024 đến 12/2024 đang ghi nhận theo giá chi phí tránh được năm 2024. Trường hợp kết quả đàm phán hợp đồng làm thay đổi giá trị doanh thu trong khoảng thời gian này, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục điều chỉnh theo quy định.

- Doanh thu, thu nhập khác thực hiện là 9.733,004 triệu đồng, đạt 1.946,60% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Lợi nhuận và cổ tức

- Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế Công ty thực hiện đến 31/12/2024 là 212.228,175 triệu đồng, đạt 149,73% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, 129,00% so với kế hoạch Hội đồng quản trị duyệt điều chỉnh.

- Cổ tức:

Căn cứ kết quả thực hiện như trên, sau khi trích lập các Quỹ và cân đối dòng tiền năm 2025, VNPD dự kiến mức thực hiện cổ tức năm 2024 với tỷ lệ là 16% bằng tiền, đạt 114,29% vượt kế hoạch được giao và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 14% bằng tiền tại Nghị quyết số 1688/NQ-HĐQT ngày 06/12/2024. Mức cổ tức cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 quyết định trên cơ sở dòng tiền dự kiến với các thông số đầu vào đảm bảo đầy đủ, phù hợp với hoạt động SXKD, ĐTXD, ĐTPT của VNPD trong năm 2025.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông NGÔ QUỐC HUY



- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc (Được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 01/05/2023)
- **Năm sinh:** 09/06/1982
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 2005 đến tháng 01/2006: Cán bộ kỹ thuật - Công tác tại Trung tâm Tư vấn phát triển Công nghiệp - Sở CN Hà Nội.
 - » Từ tháng 02/2006 đến tháng 06/2007: Kỹ sư vận hành trạm - Công ty Truyền tải Điện 1.
 - » Từ 15/06/2007 đến 18/08/2011: Kỹ sư Phòng Vận hành Kinh tế, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia.
 - » Từ 19/08/2011 đến 05/01/2014: Kỹ sư Phòng Điều hành Thị trường điện, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia
 - » Từ 06/01/2014 đến 01/5/2019: Chuyên viên Phòng Tổng hợp, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - » Từ 1/6/2019 đến 24/4/2023: Trưởng ban Tổng hợp, Tổng công ty Phát điện 1
 - » Từ 25/4/2023 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
 - » Từ 01/5/2023 đến 30/3/2025: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- **Số cổ phần đại diện sở hữu từ 10/04/2023:** Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Phát điện I: 15.624.894 cổ phần, chiếm 14,659% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ

Ông PHẠM ĐÌNH LÊ



- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật
- **Năm sinh:** 13/01/1978
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư địa chất công trình, kỹ sư hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
 - » Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
 - » Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
 - » Từ 01/3/2007 đến 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
 - » Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
 - » Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - » Từ 31/10/2013 đến 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - » Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 213 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG

- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
- **Năm sinh:** 01/3/1977
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 9/1999 – 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - » Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
 - » Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - » Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ P. Tài chính Kế toán Công ty CP PT ĐL Việt Nam.
 - » Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty CP PT ĐL Việt Nam.
 - » Từ 01/2014 – 7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP PT ĐL Việt Nam.
 - » Từ 6/2017 đến 11/11/2020: Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty CP PT ĐL Việt Nam.
 - » Từ 12/11/2020 đến 31/12/2022: Kế toán trưởng Công ty CP PT ĐL Việt Nam.
 - » Từ 01/01/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc (Công ty), Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ



Bà BUI THỊ THU TRANG

- **Chức vụ:** Kế toán trưởng
- **Năm sinh:** 18/2/1990
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kế toán
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 16/06/2013 đến 31/12/2022: Chuyên viên Ban Tài chính, Tổng công ty Phát điện 1.
 - » Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023: Trưởng phòng Công ty, Phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam.
 - » Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028: Kế Toán trưởng, Phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam.
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ



Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2024, số lượng người lao động trong Công ty (bao gồm người quản lý chuyên trách) là 126 người, trong đó:



STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó chia theo trình độ đào tạo						Trong đó	
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Khác	Lao động khoán	Lao động nữ
1	Người quản lý chuyên trách	6	3	3						1
2	Văn phòng Công ty	43	9	29	0	0	3	2	1	21
3	Nhà máy thủy điện Nậm Má	11	0	7	3	1	0	0	0	2
4	Nhà máy thủy điện Khe Bố	37	0	15	17	3	2	0	1	6
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	29	0	15	6	5	3	0	1	7
Tổng cộng		126	12	69	26	9	8	2	3	37

Chính sách liên quan đến người lao động

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện, an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước và pháp luật về quản lý, sử dụng lao động, Công ty còn chủ động ban hành các quy trình, quy định nội bộ nhằm bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên. Song song đó, VNPD thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện an toàn lao động để nâng cao nhận thức và kỹ năng làm việc an toàn tại các nhà máy, giúp người lao động yên tâm cống hiến trong một môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và ổn định.

Bên cạnh đó, VNPD luôn chú trọng đến chính sách lương, thưởng và phúc lợi, tạo động lực giữ chân đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao. Công ty khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, đóng góp những sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh. Đồng thời, để duy trì kỷ luật

và bảo vệ uy tín doanh nghiệp, Công ty cũng áp dụng các quy định nghiêm khắc nhằm xử lý những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động và hình ảnh của VNPD.

Nhận thức rằng đào tạo và phát triển con người là yếu tố cốt lõi để nâng cao năng lực cạnh tranh, VNPD liên tục tổ chức và cử cán bộ tham gia các khóa học chuyên môn từ ngắn hạn đến dài hạn. Nhân sự mới được hướng dẫn tận tình để nhanh chóng hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những lao động chưa có tay nghề được đào tạo bài bản, trong khi đội ngũ có chuyên môn cao sẽ tiếp tục được bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng theo sở trường. Đặc biệt, các cấp quản lý và lãnh đạo được tạo điều kiện tham dự các hội thảo chuyên đề, các buổi tọa đàm chuyên sâu để cập nhật xu hướng và nâng cao năng lực điều hành. Toàn bộ chi phí đào tạo đều do Công ty tài trợ hoàn toàn, thể hiện cam kết của VNPD trong việc đầu tư phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình thực hiện các dự án

Một số dự án Công ty đã và đang triển khai có thể kể đến như:



Dự án Xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Công trình: Thủy điện Khe Bó

Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam
Hình thức đầu tư	Thực hiện dự án đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Giữ ổn định tổng thể cho mái đào hạ lưu bờ trái công trình nhằm đảm bảo ổn định cho các cột điện xuất tuyến, đường vận hành và một phần trạm phân phối 220kV.
Quy mô dự án	- Toàn bộ phần mái dốc khu vực hạ lưu bờ trái được thiết kế gia cố rọ đá 2x1x0.5m để bảo vệ mái đào. - Dưới rọ đá được trải một dăm đệm dày 10cm, tiếp theo là 1 lớp vải địa kỹ thuật để nước mưa, nước hạ lưu trong quá trình vận hành không lòi các hạt đất qua rọ đá, đảm bảo tầng phủ ít bị bão hòa làm suy giảm các chỉ tiêu cơ lý của tầng phủ và tránh trường hợp nước ngầm rút quá nhanh gây xói ngầm, sụt lở mái. - Chân mái cũng được xếp rọ đá đảm bảo phải được đặt trên nền IA1 hoặc aQ loại bỏ hết tầng lẫn để tránh bị lở đất ở chân gây mất ổn định các rọ đá bên trên. - Xử lý gia cố bổ sung thực hiện khoảng từ mặt cắt T4 về hạ lưu. - Sau khi thi công tường rọ đá, tiến hành đắp đất hố móng còn lại của tường rọ đá với độ chặt K=0.95. - Rọ đá thiết kế có kích thước 2x1x1m có bọc PVC, khung rọ thép Ø14 CB400V. Đặt xong tường rọ đá tầng nào đắp đất lại tầng đó đến cao độ theo thiết kế. - Sau khi hoàn thiện phần đào, đắp, tường rọ đá tiến hành phun vẩy toàn bộ khu vực gia cố đến tận tường hướng nước mưa đã xây dựng năm 2023. Chiều dày phun vẩy 7cm M30 có rải lưới thép D4, đặt ống thoát nước Ø 48, bước a=2m. - Phần mái đào hạ lưu được đào với hệ số mái m=2. - Khu vực tiếp giáp phun vẩy và rọ đá thượng lưu cũng được làm chuyển tiếp mềm mại đảm bảo không có khoảng hở và mỹ quan.
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Tam Quang, huyện Tương Dương, Nghệ An
Tổng mức đầu tư dự án	7.982.869.000 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Hoàn thành trong năm 2025

Dự án Nhà quản lý vận hành thủy điện Nậm Má

Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Hình thức đầu tư	Thực hiện dự án đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Xây dựng mới nhà quản lý vận hành thủy điện Nậm Má thay thế cho khu nhà quản lý vận hành hiện có đã xuống cấp nghiêm trọng để đáp ứng nhu cầu hiện tại quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Má.
Quy mô dự án	- Nhà quản lý vận hành là nhà 2 tầng, chiều cao công trình là 9,0m với diện tích xây dựng S = 225m2, tổng diện tích sàn là S = 450m2, bao gồm 09 gian với bước gian 3,6m nhịp 5,4m; hành lang 1,5m; nhà khung cột dầm sàn BTCT; mái xây tường thu hồi xà gỗ lợp tôn. - Trong đó tầng 1 gồm có: 01 phòng làm việc Giám đốc diện tích S = 18m2; 01 phòng làm việc Phó Giám đốc diện tích S = 18m2; 01 phòng kho vật tư diện tích S = 18m2; 01 phòng hội trường diện tích S = 36m2; 01 nhà bếp + ăn diện tích S = 36m2; 01 khu vệ sinh chung nam nữ riêng biệt; 01 cầu thang bộ. - Tầng 2 gồm có: 03 phòng ở CBCNV (02 phòng diện tích 18m2 có vệ sinh riêng, 01 phòng diện tích 36m2 có vệ sinh riêng); 01 phòng khách diện tích 18m2; 01 phòng đa năng (để ở + thể thao) diện tích 36m2; 01 khu vệ sinh chung nam nữ riêng biệt; 01 cầu thang bộ. - Nhà để xe máy là nhà cấp IV với diện tích 52m2, chiều cao công trình là 4,0m bao gồm 02 gian với bước gian là 4,0m nhịp 6,0m; nhà khung cột vì kèo thép lợp mái tôn nền đổ bê tông đá. - Sân đường bê tông kết hợp sân lát đá. - Cổng tường rào: Cổng xây trục gạch đặc kết hợp cánh cửa sắt kiểu cửa xếp; tường rào xung quanh nhà là tường xây gạch trụ gạch đặc cao 2,0m chiều dài 42,0m. - Hệ thống thoát nước cho khu nhà quản lý vận hành là rãnh gạch xây, nắp đầy bằng bê tông cốt thép. - Hệ thống cấp nước sạch bằng ống upvc đường kính D25.
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
Tổng mức đầu tư dự án	6.381.389.000 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Hoàn thành trong năm 2025

Dự án Nước sinh hoạt Nhà máy thủy điện Khe Bố

Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Hình thức đầu tư	Thực hiện dự án đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Xây dựng mới công trình xử lý cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên nhà máy thủy điện Khe Bố đáp ứng yêu cầu sử dụng cho mục đích ăn uống, vệ sinh của con người. Nước sau xử lý đảm bảo QCVN 01-1:2018/BYT rồi cấp cho cán bộ công nhân viên sinh hoạt.
Quy mô dự án	- Công trình xử lý nước cấp sạch sinh hoạt có công suất 10 m3/ngày tại thủy điện Khe Bố với diện tích xây dựng S = 45m2. - Công trình hệ thống xử lý nước sạch dùng thiết bị hợp khối. - Kết cấu sử dụng: thiết bị đồng bộ công trình được đặt trên nền bê tông cốt thép, kết cấu nhà bao che dùng kết cấu thép lợp mái tôn và quây tôn để bao che thiết bị, tường rào bảo vệ dùng kết cấu cột sắt hàng rào thép gai.
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Tam Quang, huyện Tương Dương, Nghệ An
Tổng mức đầu tư dự án	1.463.816.000 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Hoàn thành trong năm 2025

Tình hình đầu tư xây dựng nói chung

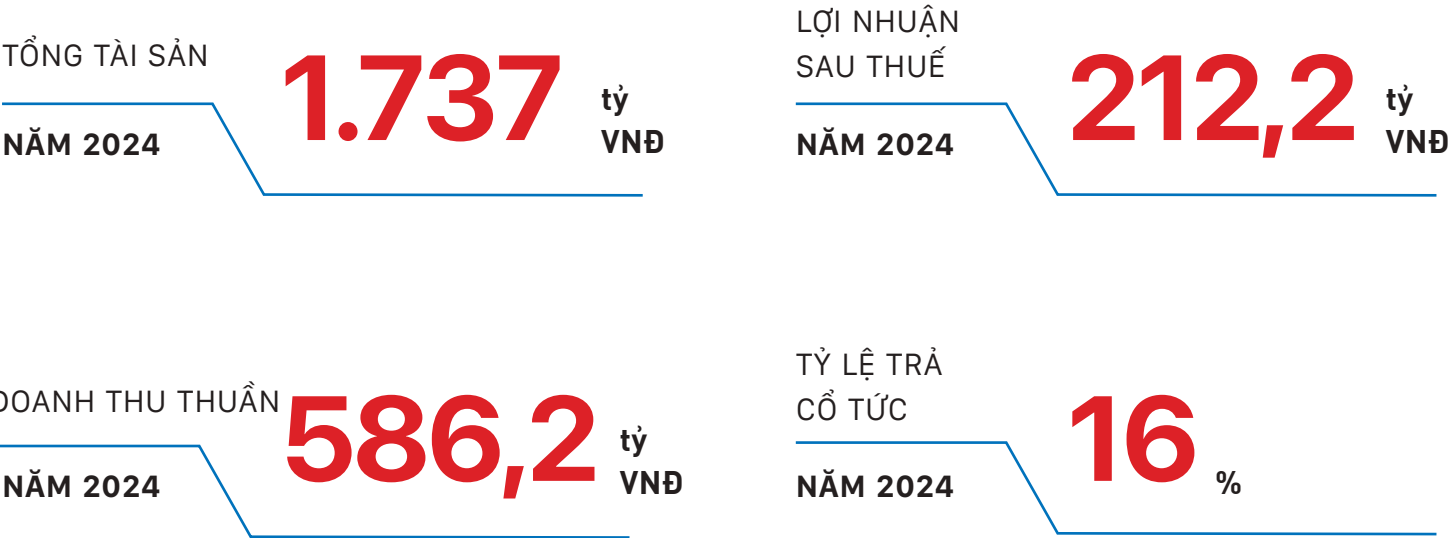
Năm 2024, tình hình đầu tư xây dựng của Công ty đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

- Xử lý gia cố hạ lưu bờ trái Nhà máy thủy điện Khe Bố: Công ty đã hoàn thành công tác khảo sát và thiết kế bổ sung, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh tại Quyết định số 1554/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024. Công ty đang thực hiện LCNT gói thầu thi công và Tư vấn giám sát. Dự kiến sẽ hoàn thành công tác thi công trước mùa mưa năm 2025.
- Nước sinh hoạt nhà máy thủy điện Khe Bố: Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư tại quyết định số 1596/QĐ-VNPD ngày 18/11/2024. Công ty đang thực hiện LCNT gói thầu thi công và Tư vấn giám sát. Dự kiến sẽ hoàn thành công tác thi công trong năm 2025.
- Nhà quản lý vận hành thủy điện Nậm Má: Công ty đang thương thảo Hợp đồng và chuẩn bị khởi công xây dựng. Dự kiến sẽ hoàn thành công tác thi công trong năm 2025.

Các Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	1.816.804.995.100	1.737.881.486.691	-78.923.508.409	-4,34%
Doanh thu thuần	541.884.685.591	586.228.643.980	44.343.958.389	8,18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	218.818.118.987	258.947.689.429	40.129.570.442	18,34%
Lợi nhuận khác	1.203.274.771	6.877.167.400	5.673.892.629	471,54%
Lợi nhuận trước thuế	220.021.393.758	265.824.856.829	45.803.463.071	20,82%
Lợi nhuận sau thuế	190.499.505.385	212.228.175.405	21.728.670.020	11,41%
Tỷ lệ trả cổ tức	14,00%	16,00%	2,00%	14,29%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	84,90%	80,36%	-4,54%	-5,35%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,492	1,026	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,484	1,004	
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,137	0,193	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,158	0,238	
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	199,276	67,698	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,284	0,330	
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỢI			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,352	0,362	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,121	0,151	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,105	0,122	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,404	0,442	

VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Kết thúc năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt đạt 1,026 và 1,004. Việc cả 2 chỉ số này đồng loạt giảm so với cùng kỳ năm 2024, nhưng vẫn duy trì đạt trên ngưỡng tiêu chuẩn (1) là một dấu hiệu cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong 1 năm của Công ty vẫn đang được duy trì ở mức an toàn, đồng thời thể hiện Công ty đã sử dụng thêm đòn bẩy vào trong công tác tài chính, hoạt động của Công ty.

VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Do là một Doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, do vậy, số dư hàng tồn kho các năm của Công ty là rất ít, điều này dẫn tới việc chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty hàng năm không thể hiện được quá nhiều ý nghĩa. Một mặt khác, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân trong năm 2024 của Công ty ghi nhận mức tăng nhẹ, đạt mức 33,0% cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản đã có sự cải thiện, đồng thời vẫn đang được duy trì ở mức ổn định.

VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2024, dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp kết hợp cùng với tình hình chiến sự Nga – Ukraine, Israel – Hamas liên tục leo thang khiến cho nền kinh tế nói chung gặp nhiều ảnh hưởng tiêu cực, tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 vẫn duy trì ở mức tốt và tăng nhẹ so với năm 2023 được thể hiện trực tiếp thông qua các số liệu tài chính của Công ty, đặc biệt là ở bộ chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty khi các chỉ số này đồng loạt tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2023.

VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2024, nợ phải trả chiếm 19,3% tổng tài sản và chiếm 23,8% vốn chủ sở hữu, đồng loạt tăng so với mức tương ứng trong năm 2022 là 13,7% và 15,8%. Sự thay đổi trong cơ cấu vốn này cho thấy doanh nghiệp đã gia tăng tỷ lệ đòn bẩy tài chính, nhưng vẫn ở mức có khả năng tự chủ tài chính cũng như sẵn sàng đương đầu với những khó khăn, thách thức trong năm 2025, chủ động trước những biến động trong trường hợp môi trường kinh doanh thay đổi.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam đã phát hành 106.589.629 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam				
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Mã chứng khoán	VPD	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết	22/01/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VPD.				
Số cổ phiếu phổ thông	106.589.629 cổ phiếu	Số cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu	Số cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	106.589.629 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024			Không		

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	82.405.782	77,31	3
Cổ đông nhỏ	24.183.847	22,69	6.251
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.254
Cổ đông trong nước	73.415.230	68,88	6.231
Cổ đông nước ngoài	33.174.399	31,12	23
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.254
Cổ đông tổ chức	87.134.367	81,75	25
Cổ đông cá nhân	19.455.262	18,25	6.229
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.254

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt đến hết ngày 23/12/2024

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Theo văn bản số 159/UBCKNN-PTTT ngày 08/01/2024 về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%

SỞ HỮU CỔ ĐÔNG LỚN

Tổng công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	39.062.236	36,65%
Công ty Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	Cổ đông lớn	32.031.889	30,05%
CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	Cổ đông lớn	11.311.657	10,61%

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt đến hết ngày 23/12/2024



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam không có sự tăng, giảm vốn góp của Chủ sở hữu

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VĐL sau khi phát hành	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
03/6/2012		13.700.000.000	Vốn ban đầu sau khi thành lập	Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập
31/12/2013	87.347.043	887.170.430.000	1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu đồng thời là cổ đông sáng lập - Số lượng phát hành: 36.197.234 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu 2. Phát hành cho cán bộ, công nhân viên ngành điện do Công đoàn điện lực Việt Nam đã huy động góp vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình theo phân bổ của VNPD; Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Cán bộ, công nhân viên VNPD - Số lượng phát hành: 51.149.809 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 – 12.000 đồng/cổ phiếu theo đối tượng và theo từng giai đoạn tăng vốn	Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông). - Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HDQT ngày 29/12/2007 - Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HDQT ngày 28/11/2008 - Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HDQT ngày 26/3/2010. - Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011 - Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
21/8/2014	2.089.421	908.064.640.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014
18/11/2015	9.190.207	999.966.710.000	1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 2.933.921 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 7,6243% - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu 2. Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK cấp ngày 29/07/2015
04/11/2016	2.496.427	1.024.930.980.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6559/UBCK-QLCB ngày 29/9/2016.
10/10/2018	4.096.531	1.065.896.290.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 4%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6572/UBCK-QLCB ngày 25/9/2018.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản
xuất kinh doanh
[48]

Tình hình tài chính
[50]

Những cải tiến về cơ cấu tổ
chức, chính sách, quản lý
[54]

Kế hoạch phát triển trong tương
lai
[58]

Giải trình của Ban Tổng giám
đốc đối với ý kiến kiểm toán
[63]



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

Những bước tiến công ty đã đạt được

- Công ty đã thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch quản lý dòng tiền năm sau để chủ động trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo dòng tiền của Công ty ổn định.
- Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tự thực hiện các công việc các nhà máy có thể làm được, giảm bớt thuê ngoài, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn và hiệu quả.
- Trong năm 2024, các nhà máy vận hành ổn định và an toàn theo điều độ của NSMO và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2024 sản lượng điện thương phẩm và doanh thu sản xuất điện toàn Công ty hoàn thành vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông duyệt.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số: Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai các nhiệm vụ CDS theo Quyết định số 560/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 06/5/2022 với một số kết quả chính như sau:
 - Nâng cấp hoàn thiện hệ thống SCADA/EMS các nhà máy đáp ứng chuẩn giao thức IEC-60875-104: TĐ Khe Bố đã hoàn thành trong tháng 6/2024.
 - Về công tác số hóa quy trình nghiệp vụ: Đến nay, VNPD đã số hóa và đưa lên phần mềm PMIS 80% các tài liệu về quản lý kỹ thuật, 90% tài liệu, quy trình không sử dụng giấy tờ, 100% cán bộ quản lý cấp phó phòng trở lên và các trưởng ca vận hành đều sử dụng chữ ký số.

Tình hình thực hiện công tác SXKD so với kế hoạch

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều biến động khó lường, nền kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức do suy giảm tăng trưởng, biến động thị trường tài chính – tiền tệ và những căng thẳng địa chính trị kéo dài. Tại Việt Nam, nền kinh tế cũng chịu tác động đáng kể khi vừa phải duy trì đà phục hồi sau đại dịch COVID-19, vừa ứng phó với lạm phát, chi phí sản xuất gia tăng và ảnh hưởng từ thiên tai, thời tiết cực đoan. Đặc biệt, cơn bão Yagi đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng tại một số khu vực, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, trong đó có Công ty.

Tuy nhiên, với tinh thần vượt khó, tự lực tự cường, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực tận dụng mọi nguồn lực, phát huy tối đa thế mạnh để duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả. Công ty không chỉ tập trung vào phát triển kinh doanh mà còn chú trọng đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Với phương châm giữ vững ổn định và tạo đà phát triển bền vững, Công ty tiếp tục đảm bảo việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động và duy trì lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng cùng chiến lược linh hoạt, VNPD đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường và sẵn sàng đương đầu với những thách thức trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2024 giảm 78,923 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 4,34% so với năm 2023. Trong đó, tài sản dài hạn giảm 148,278 tỷ đồng (tương ứng 9,48%), chủ yếu do sự sụt giảm của tài sản cố định, giảm 148,137 tỷ đồng (do trích khấu hao tài sản cố định trong năm). Ngược lại, tài sản ngắn hạn tăng 69,355 tỷ đồng (tăng 27,38%), đáng chú ý là sự gia tăng mạnh của Tiền và các khoản tương đương tiền, tăng 171,555 tỷ đồng, trong khi các khoản phải thu ngắn hạn lại ghi nhận mức giảm đáng kể 107,957 tỷ đồng (giảm 53,41%).

Về cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, thể hiện sự tập trung vào đầu tư dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc tài sản ngắn hạn tăng đáng kể, đặc biệt là tiền và các khoản tương đương tiền, cho thấy tình hình tài chính của Công ty có sự cải thiện, tăng khả năng thanh khoản và giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài. Nhìn chung, trong năm 2024, Công ty vẫn duy trì chiến lược quản lý tài sản hợp lý, cân bằng giữa đầu tư dài hạn và đảm bảo dòng tiền ngắn hạn để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.



Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
A . Tài sản ngắn hạn	253.332.124.339	13,94%	322.687.591.844	18,57%	69.355.467.505	27,38%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	49.681.302.435	2,73%	221.236.483.252	12,73%	171.555.180.817	345,31%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	202.125.079.062	11,13%	94.167.565.565	5,42%	-107.957.513.497	-53,41%
III. Hàng tồn kho	1.348.129.884	0,07%	6.779.350.589	0,39%	5.431.220.705	402,87%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	177.612.958	0,01%	504.192.438	0,03%	326.579.480	183,87%
B . Tài sản dài hạn	1.563.472.870.761	86,06%	1.415.193.894.847	81,43%	-148.278.975.914	-9,48%
I. Tài sản cố định	1.525.297.750.480	83,95%	1.377.160.213.515	79,24%	-148.137.536.965	-9,71%
II. Tài sản dở dang dài hạn	2.548.474.001	0,14%	3.847.847.480	0,22%	1.299.373.479	50,99%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	0,11%	1.950.000.000	0,11%	-	0,00%
IV. Tài sản dài hạn khác	33.676.646.280	1,85%	32.235.833.852	1,85%	-1.440.812.428	-4,28%
Tổng cộng Tài sản	1.816.804.995.100	100,00%	1.737.881.486.691	100,00%	-78.923.508.409	-4,34%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	169.776.580.901	68,31%	314.547.197.187	94,02%	144.770.616.286	85,27%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	9.649.470.558	3,88%	14.681.923.957	4,39%	5.032.453.399	52,15%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,04%	102.460.000	0,03%	0	0,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.571.435.120	7,47%	31.419.514.955	9,39%	12.848.079.835	69,18%
4. Phải trả người lao động	6.110.892.085	2,46%	11.228.064.911	3,36%	5.117.172.826	83,74%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.634.889.874	4,28%	8.529.341.396	2,55%	-2.105.548.478	-19,80%
6. Phải trả ngắn hạn khác	31.002.178.594	12,47%	183.764.505.072	54,93%	152.762.326.478	492,75%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	89.166.666.671	35,88%	58.760.387.751	17,56%	-30.406.278.920	-34,10%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.538.587.999	1,83%	6.060.999.145	1,81%	1.522.411.146	33,54%
II. Nợ dài hạn	78.760.387.751	31,69%	20.000.000.000	5,98%	-58.760.387.751	-74,61%
1. Phải trả nội bộ dài hạn	0	0,00%		0,00%	0	0,00%
2. Vay và thuê tài chính dài hạn	78.760.387.751	31,69%	20.000.000.000	5,98%	-58.760.387.751	-74,61%
Tổng Nợ phải trả	248.536.968.652	100,00%	334.547.197.187	100,00%	86.010.228.535	34,61%

Dựa trên số liệu năm 2024, tổng nợ phải trả của Công ty tăng mạnh, đạt 334,547 tỷ đồng, tăng 34,61% so với năm 2023. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 144,770 tỷ đồng (tăng 85,27%), chủ yếu do các khoản phải trả người bán và thuế, phí phải nộp Nhà nước tăng mạnh. Ngược lại, chi phí phải trả ngắn hạn giảm 19,80%, cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt các chi phí dự phòng.

Về nợ dài hạn, năm 2024 tổng nợ Dài hạn giảm 58,760 tỷ đồng so với năm 2023, chủ yếu đến từ các khoản Vay và thuê tài chính dài hạn. Dù tổng nợ tăng cao, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán, không có nợ xấu, cho thấy tình hình tài chính được kiểm soát hợp lý, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm tháo gỡ những khó khăn về tài chính cũng như đổi mới cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý đảm bảo luôn sát với tình hình SXKD và ĐTXD. Cụ thể:

- Công tác tổ chức, cán bộ: Chỉ đạo các giải pháp sử dụng lao động hiệu quả; đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu.
- Quy chế quản lý nội bộ: Hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty ngày càng hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành và mô hình hoạt động của công ty. HĐQT đã sửa đổi, bổ sung một số quy chế như sau: sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính; ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị Công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế về công tác cán bộ; sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp; Quy chế Quản lý Khoa học và Công nghệ; sửa đổi, bổ sung Quy chế về công tác đấu thầu; sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin...
- Công tác kiểm toán nội bộ: Trong năm 2024, bộ phận trực thuộc HĐQT là phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty. Phương pháp tiếp cận và các thủ tục kiểm toán trong thực hành của phòng KTNB thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB. Kế hoạch kiểm toán năm được lập theo nguyên tắc bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Công ty. KTNB đã tham vấn ý kiến và trao đổi với Ban kiểm soát/Ban Tổng giám đốc trước khi lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch hàng năm. Kết thúc năm tài chính, KTNB đã hoàn thành kế hoạch theo đúng thời gian và nguồn lực dự kiến. Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy hệ thống kiểm soát trong Công ty cơ bản được thiết kế hiệu quả và phù hợp. Các đơn vị và quy trình được kiểm toán có kết quả tuân thủ ở mức tốt. Phần lớn các phát hiện kiểm toán liên quan tới các rủi ro mức độ trung bình, không trọng yếu. Trong các báo cáo kiểm toán, KTNB đã đưa ra các khuyến nghị giúp Công ty điều chỉnh và bổ sung các kiểm soát nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các rủi ro trọng yếu trong hoạt động, được các đơn vị áp dụng và triển khai kịp thời.



KẾ HOẠCH NĂM 2025

Công ty dự kiến kế hoạch năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

Nội dung KH	Đơn vị	KH năm 2025
Sản lượng điện thương phẩm	Tr kWh	461,379
Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	90,795
- ĐTXD các công trình	Tỷ đồng	55,130
- Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	35,665
Doanh thu:	Tỷ đồng	516,003
- Doanh thu sản xuất điện:	Tỷ đồng	515,503
- Doanh thu, thu nhập khác:	Tỷ đồng	0,5
Chi phí :	Tỷ đồng	332,974
Sửa chữa lớn	Tỷ đồng	7,120
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	146,366
Cổ tức	%	14,0%

Các số liệu trên là dự kiến, số liệu chính thức khi được Đại hội đồng cổ công thông qua

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất điện

Công ty lập kế hoạch sản lượng điện thương phẩm năm 2025 của toàn Công ty theo tần suất 65% là: 461.379.000 kWh.
Trong đó:

- Nhà máy thủy điện Nậm Má: 13.500.000 kWh;
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình: 82.310.000 kWh;
- Nhà máy thủy điện Khe Bốc: 365.569.000 kWh.

Kế hoạch điện tự dùng

Kế hoạch tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng của các Nhà máy năm 2025 cụ thể như sau: Thủy điện Nậm Má: 0,78%; Thủy điện Bắc Bình: 1,44%; Thủy điện Khe Bốc: 0,58%.

Suất tiêu hao nhiên liệu/nước, vật liệu phụ

Kế hoạch suất tiêu hao nước năm 2025 của các nhà máy cụ thể như sau: Thủy điện Khe Bốc: 17,56 m3/kWh; Thủy điện Bắc Bình: 6,3 m3/kWh; Thủy điện Nậm Má: 4,55 m3/kWh.

Sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy năm 2025 dự kiến là: 7.120.000.000 đồng.

Lao động - Tiền lương

Kế hoạch lao động 2025: Tổng số: 127 người, trong đó:

- Người quản lý chuyên trách: 6 người;
- Người lao động: 121 người.

Kế hoạch tiền lương, thù lao:

- Quỹ Tiền lương, thù lao người quản lý Công ty: 4.091.228.000đ
Trong đó:
 - Tiền lương, thù lao: 3.713.040.000đ
 - Chế độ an toàn điện: 378.188.000đ
- Quỹ Tiền lương người lao động Công ty: 37.763.694.000 đ
- Quỹ tiền thưởng an toàn điện: 4.594.490.000 đ

Quỹ tiền lương năm 2025 Công ty áp dụng Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế về công tác Lao động tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 31/10/2021.

Tài chính - Chi phí giá thành

- Kế hoạch doanh thu năm 2025 là: 516,003 tỷ đồng.

Năm 2025 doanh thu sản xuất điện Công ty xây dựng giá bán điện Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình theo nguyên tắc thị trường điện với tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá hợp đồng là 98% (chưa bao gồm thuế VAT, Thuế Tài nguyên nước, Phí Môi trường rừng và Tiền cấp quyền khai thác nước mặt) cụ thể như sau:

- Doanh thu Nhà máy thủy điện Khe Bố với giá bán điện bình quân là 973,290 đồng/kWh, cao hơn 7,92 đồng/kWh so với giá hợp đồng mua bán điện đã ký (Giá hợp đồng đã ký là 965,37 đồng/kWh).
- Doanh thu Nhà máy thủy điện Bắc Bình với giá bán điện là 926,914 đồng/kWh, cao hơn 21,524 đồng/kWh so với giá hợp đồng mua bán điện đã ký (Giá hợp đồng đã ký là 905,39 đồng/kWh).
- Doanh thu sản xuất điện của Nhà máy thủy điện Nậm Má: Giá bán điện theo giá chi phí tránh được như kế hoạch đã lập các năm trước: 1000 đồng/kWh cho 08 tháng mùa khô (Từ tháng 1÷ tháng 6 và từ tháng 11 ÷ tháng 12) và 613,5 đ/kWh cho 04 tháng mùa mưa.
- Kế hoạch chi phí 2025: 332,974 tỷ đồng. Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí theo các nội dung trong công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Công ty.
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 146,366 tỷ đồng.
- Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2024: 14,0%.



Công ty dự kiến tình hình tài chính và cân đối dòng tiền trong năm 2025 với các thông số đầu vào chính, cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2025 dự kiến đạt 461,379 triệu kWh (Khe Bố là 365,569 triệu kWh; Bắc Bình là 82,310 triệu kWh; Nậm Má là 13,500 triệu kWh).
- Trả gốc, lãi các Ngân hàng: khoảng 63,289 tỷ đồng.
- Cổ tức năm 2024 phải trả: Chi trả tỷ lệ 16% bằng tiền, tương đương 170,573 tỷ đồng. - Trả cổ tức từ năm 2009 - 2023 cho các cổ đông còn lại: 10,478 tỷ đồng.
- Nộp thuế phí và các nghĩa vụ với NSNN: dự kiến khoảng 162,469 tỷ đồng.
- Các chi phí khác phục vụ hoạt động SXKD và các chi khác: dự kiến khoảng 127,854 tỷ đồng (gồm cả GTGT).
- Chi cho ĐTXD và ĐTPT dự kiến khoảng 90,536 tỷ đồng (gồm cả GTGT).

Với các thông số đầu vào như trên, đến 31/12/2025 dư tiền của Công ty còn khoảng 88,718 tỷ đồng. Trong bối cảnh hiện nay vẫn còn những khó khăn chung trong toàn ngành, thời gian thanh toán tiền điện hàng tháng thường kéo dài (khoảng 2-3 tháng kể từ tháng phát sinh doanh thu), trong khi doanh thu bán điện là nguồn thu gần như chủ yếu và duy nhất của VNPD. Điều này ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của VNPD nói chung và công tác cân đối dòng tiền duy trì hoạt động SXKD, ĐTXD nói riêng; VNPD rất khó chủ động trong việc dự kiến nguồn thu để trang trải các chi phí hoạt động. Tuy vẫn luôn nỗ lực thực hiện tiết

kiệm, tối ưu hóa chi phí, nhưng do thiếu cân đối nguồn thu khi tiền điện chưa được thanh toán kịp thời nên VNPD gặp nhiều khó khăn trong việc thu xếp vốn trả gốc lãi vay cho các ngân hàng, thực hiện nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước, triển khai các công tác mua sắm thay thế, sửa chữa bảo dưỡng cho ngắn hạn cũng như đầu tư phát triển cho dài hạn. Thực tế, trong các năm vừa qua, Công ty chỉ có thể tập trung vào hoạt động SXKD, chưa triển khai thực hiện được nhiều hoạt động mở rộng ĐTXD, ĐTPT... một phần nguyên nhân do khó khăn tài chính. Tuy vốn lưu động hiện vẫn được duy trì, thu xếp đủ nhưng áp lực chi trả cổ tức cho các cổ đông là vấn đề lớn mà Công ty cân nhắc đối thận trọng, phù hợp để đảm bảo.

Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực thực hiện tiết kiệm, tối ưu hóa chi phí, tích cực làm việc với EVN/NPTC để rút ngắn thời gian thanh toán tiền điện nhằm cải thiện dòng tiền. Hiện tại, mức thực hiện cổ tức năm 2024, VNPD tạm đề là 16%. Mức cổ tức cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 quyết định trên cơ sở dòng tiền dự kiến với các thông số đầu vào đảm bảo đầy đủ, phù hợp với hoạt động SXKD, ĐTXD, ĐTPT của VNPD trong năm 2025.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025

55,130 tỷ VNĐ

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
NĂM 2025 TOÀN CÔNG TY, TRONG ĐÓ:



Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó

- Hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư.
- Cơ bản hoàn thành quyết toán giai đoạn 2 dự án.

Dự án ĐTXD từ nguồn vốn ĐTPT

- Đầu tư phát triển:** 35,905 tỷ đồng
- Các danh mục chính dự kiến triển khai trong năm gồm:
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: Hệ thống DCS, SCADA, điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) và rơle bảo vệ; Xây dựng hệ thống lưới quan trắc chuyển vị đập; Thiết bị kiểm tra ắc quy.
 - Nhà máy Thủy điện Khe Bó: Nâng cấp hệ thống thiết bị đáp ứng điều tần (PSS); Nâng cấp hệ thống Rơ le bảo vệ; Hoàn thiện hệ thống đo đếm chính Nhà máy.
 - Đầu tư dự án mới: Dự kiến chi cho đầu tư dự án mới và các hạng mục đầu tư mua sắm, xây dựng từ quỹ ĐTPT là 2 tỷ đồng.
 - Văn phòng Công ty: Nâng cấp Website của Công ty.



CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

Hướng tới mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD – ĐTXD được giao năm 2025, Công ty dự kiến thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TGD ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có

Công tác sửa chữa bảo dưỡng

- Nâng cao chất lượng BDSCtừ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống nhằm rút ngắn tiến độ, giảm thời gian dừng máy BDSC theo kế hoạch.
- Đào tạo vận hành, bồi dưỡng, tập huấn các phương án ứng phó sự cố để không xảy ra sự cố do các nguyên nhân chủ quan và giảm thiểu tỷ lệ dừng máy do sự cố do nguyên nhân khách quan tại các nhà máy.
- Rà soát, xây dựng, hiệu chỉnh ban hành lại các quy trình vận hành, quy trình BDSC trong các Nhà máy.
- Hoàn thiện xây dựng phương án bảo dưỡng sửa chữa theo RCM và hoàn thành công tác tích hợp số liệu các nhà máy vào phần mềm PMIS. Nâng cao chất lượng trong khảo sát và lập phương án SCBD.
- Đảm bảo hệ số khả dụng các tổ máy của các Nhà máy trực thuộc Công ty.
- Lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện tổng thể của từng công việc BDSC làm cơ sở kiểm điểm, đôn đốc thực hiện.

Công tác thị trường điện

- Tổ chức làm việc với NSMO, EPTC về sản lượng điện hợp đồng của các nhà máy trên cơ sở phù hợp với dự báo tình hình thủy văn.
- Liên hệ chặt chẽ, liên tục với các nhà máy bậc thang trên (Đại Ninh, Bàn Vẽ và các nhà máy thủy điện nhỏ khác) để có phương án chào giá tốt nhất cho các nhà máy.
- Phối hợp NSMO thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, bảo đảm sẵn sàng phátđiện và cấp nước các vùng hạ du.

Công tác đầu tư xây dựng

- Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó:
- Bám sát, đôn đốc UBND tỉnh Nghệ An cho giải pháp phê duyệt điều chỉnh dự án tổng thể hợp phần bồi thường, GPMB, di dân tái định cư công trình thủy điện Khe Bó để có cơ sở triển khai thực hiện các tồn tại vướng mắc còn lại của dự án.
 - Lập và ký kết với UBND huyện Tương Dương, Hội đồng BTGPMB kế hoạch thực hiện các công việc vướng mắc, tồn tại còn lại của dự án kèm theo tiến độ chi tiết, trách nhiệm của mỗi bên.
- Lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện tổng thể của từng dự án ĐTXD làm cơ sở kiểm điểm, đôn đốc các bên liên quan thực hiện đảm bảo tiến độ...

Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm

lo đời sống của CBCNV

- Về công tác Tổ chức, nhân sự: Giữ nguyên mô hình tổ chức các phòng ban, các nhà máy như hiện tại; quản lý tập trung các công việc gián tiếp tại văn phòng Công ty; các Nhà máy chủ yếu thực hiện công việc vận hành sửa chữa. Công ty tiếp tục rà soát lại định biên lao động tại các đơn vị để điều chuyển, luân chuyển, bổ sung cho hợp lý; thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ đối với người lao động. Tổ chức triển khai thi giữ bậc, đánh giá chất lượng đối với lực lượng vận hành sửa chữa làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại lao động, nâng bậc, trả lương tại các Nhà máy.
- Về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV: Triển khai đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng công tác SXKD. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn và các khóa đào tạo do EVNGENCO1 tổ chức: Lao động tiền lương, đấu thầu, đấu thầu qua mạng, chuyển đổi số, Tiếng Anh, thị trường điện, ATLD, đào tạo giảng viên nội bộ, lớp quản lý cấp 3...
- Rà soát danh mục, lập kế hoạch và thực hiện sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các Quy chế Quản lý nội bộ cần sửa đổi, công bố các QC QLNB đang có hiệu lực và hết hiệu lực, tổ chức tập huấn các QC QLNB mới cho các CBCNV liên quan.
- Thực hiện 100% CBCNV sử dụng thành thạo Doffice, HRMS; 100% lãnh đạo từ phó phòng, Phó Quản đốc trở lên sử dụng ký số, toàn bộ 3 nhà máy sử dụng tốt phần mềm PMIS để quản lý thiết bị, sửa chữa bảo dưỡng nhà máy.
- Thực hiện đi vào nề nếp văn hóa doanh nghiệp của EVN, EVNGENCO1, Công ty, thực hiện 5s.-Thực hiện và phát động các phong trào thi đua do EVN, EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Tiếp tục thực hiện các đề tài khoa học đã đăng ký, thực hiện nghiêm công tác vệ sinh,an toàn lao động, PCCC.
- Quan tâm, xây dựng đời sống tinh thần cho người lao động: Trang bị đầy đủ thiết bị cho các phòng thể thao tại các nhà máy; xây dựng sân bóng đá mini, sân cầu lông tại Khe Bó và Bắc Bình; tham gia đầy đủ các hội diễn văn nghệ, thể thao do EVN và Genco1 tổ chức; tổ chức thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ với các đơn vị khác tại các địa phương nơi có nhà máy; tổ chức các sự kiện nhân ngày 8/3, 20/10, ngày quốc tế thiếu nhi 1/6...

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các
mặt hoạt động của Công ty
[68]

Các kế hoạch, định hướng
của HĐQT
[69]

Đánh giá của HĐQT về hoạt
động của Ban Tổng giám đốc
Công ty
[68]



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, Công ty có một số thuận lợi và khó khăn trong công tác SXKD-ĐTĐD như sau:

Thuận lợi: Tình hình thủy văn tốt hơn so với kế hoạch; Bộ máy Lãnh đạo, quản lý và tình hình nhân sự của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định; Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã sát sao, quyết liệt chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đảm bảo cung ứng điện theo yêu cầu của Chính phủ. Do đó các nhà máy luôn duy trì được sự vận hành ổn định, an toàn, đáp ứng được lệnh điều độ; Tình hình tài chính được nâng cao rõ rệt, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng; Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV-LĐ tiếp tục được duy trì và từng bước nâng cao đã tạo không khí phấn khởi, nỗ lực, đồng lòng phấn đấu lao động sản xuất trong toàn Công ty.

Khó khăn: Các nhà máy thủy điện tham gia thị trường điện với hệ số $\alpha = 98\%$ và sự phụ thuộc vào kế hoạch chạy máy của NSMO làm giảm doanh thu từ thị trường điện; Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó, các thủ tục pháp lý như: Công tác thẩm định, duyệt điều chỉnh tổng thể hợp phần BT GPMB, DD&TĐC, kiện toàn bộ máy của Ban QLDA huyện, phê duyệt giá đất ... chưa được các cấp chính quyền tỉnh Nghệ An hoàn thành nên chưa có cơ sở để thực hiện các công việc còn lại của dự án.

Tuy nhiên, cùng với sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể Lãnh đạo, CBCNV nên năm 2024 Công ty đã hoàn thành Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (Giai đoạn 1) Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó và các chỉ tiêu chính của kế hoạch năm 2024 như sản lượng điện, doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD CÔNG TY

Năm 2024, Ban Tổng giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty. Ban Tổng giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email, phương tiện điện tử, văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Nhờ vậy, Công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đối với hoạt động của HĐQT

- Thông qua chương trình ĐHCĐ năm 2025; Trình ĐHCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025 của Công ty.
- Xây dựng chương trình làm việc, định hướng hoạt động bám sát Nghị quyết ĐHCĐ thường niên.
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong công tác quản trị, giám sát hoạt động của Ban điều hành.
- Duy trì các cuộc họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các Tờ trình, báo cáo của Công ty để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
- Áp dụng Bộ tiêu chuẩn Khung năng lực của EVN để nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực tại Công ty.

Quản trị, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.
- Kiểm soát chi phí, giám sát hoạt động đầu tư đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Chỉ đạo tìm kiếm các dự án mới.
- Triển khai chiến lược phát triển của công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD của Công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, hoạt động của Công ty.
- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Tiếp tục quyết toán toàn bộ dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- Cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của ngành điện và tình hình thực tế của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, an sinh xã hội
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế khác.



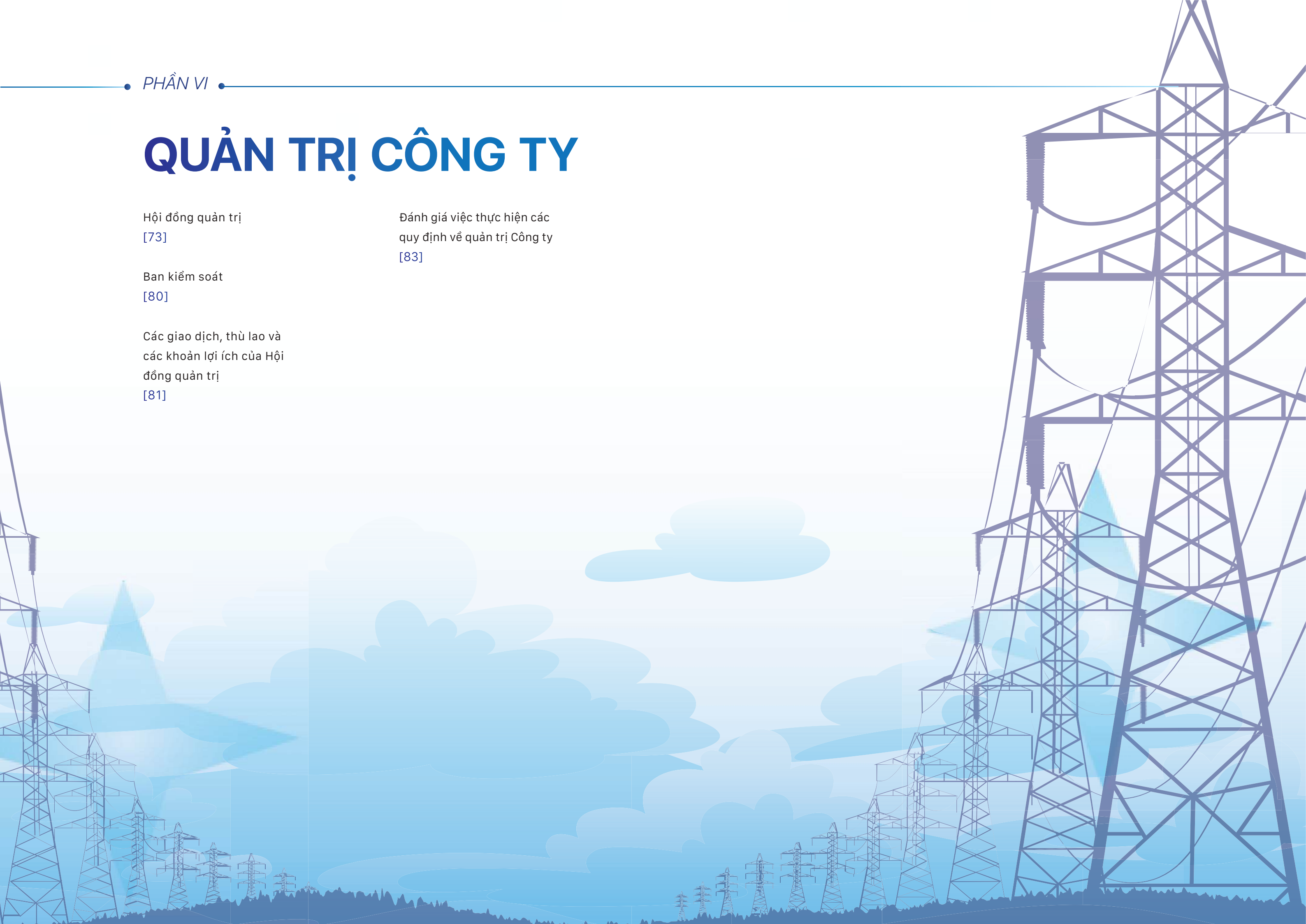
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
[73]

Ban kiểm soát
[80]

Các giao dịch, thù lao và
các khoản lợi ích của Hội
đồng quản trị
[81]

Đánh giá việc thực hiện các
quy định về quản trị Công ty
[83]



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu
của Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu	Ghi chú
Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT				
Ngô Quốc Huy	TV. HĐQT, TGĐ				
Nguyễn Đăng Khương	TV. HĐQT không điều hành	TP Kế hoạch Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại			
Đỗ Đức Hùng	TV. HĐQT không điều hành	Chủ tịch Công đoàn điện lực Việt Nam	25.261	0,0237%	
Trần Văn Được	Thành viên độc lập HĐQT				
Yoshiyuki Ueda	TV. HĐQT không điều hành	Quản lý cấp cao , Trưởng Dự án Văn phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của TEPCO RP			
Naruomi Samejima	TV. HĐQT không điều hành	Giám đốc (Dự án Việt Nam), Văn phòng Hà Nội, Phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của TEPCO Renewable Power, Inc			
Nguyễn Loan	Thành viên độc lập HĐQT		329.856	0,3095%	

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.





Hoạt động giám sát

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2024 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Tổng giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Hoạt động của TV HĐQT độc lập

Cơ cấu thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay là 2/8 thành viên. Trong năm 2024, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp cũng như cho ý kiến các vấn đề phát sinh của Công ty giúp Công ty đưa ra những quyết sách kịp thời, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các ý kiến đóng góp của thành viên độc lập Hội đồng quản trị đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng để thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Danh sách các TV HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có



Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
25/NQ-HĐQT	09/01/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 1 năm 2024
104/NQ-HĐQT	19/01/2024	Ý kiến đối với việc chào mua công khai cổ phiếu VPD của Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd (Tepco)
146/NQ-HĐQT	30/01/2024	Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
269/NQ-HĐQT	04/03/2024	Kế hoạch tổ chức và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
465/NQ-HĐQT	03/04/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 2 năm 2024
466/NQ-HĐQT	03/04/2024	Nghị quyết tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%
601/NQ-HĐQT	24/04/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 3 năm 2024
956/NQ-HĐQT	08/07/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 4 năm 2024
957/NQ-HĐQT	08/07/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 lần 2 bằng tiền với tỷ lệ 5
1232/NQ-HĐQT	10/09/2024	Chi trả cổ tức còn lại năm 2023 với tỷ lệ 5% bằng tiền
1410/NQ-HĐQT	10/10/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 5 năm 2024
1487/NQ-HĐQT	29/10/2024	Điều chỉnh một số chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2024
1688/NQ-HĐQT	06/12/2024	Tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 14% bằng tiền
1745/NQ-HĐQT	13/12/2024	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 6 năm 2024

CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã tổ chức tổng cộng 06 cuộc họp, các cuộc họp đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cung cấp tài liệu họp đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật. Trong từng phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các báo cáo từ Ban Điều hành trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình thị trường tài chính, tiền tệ và đưa ra các kết luận thông qua từng nội dung theo nguyên tắc đa số, được ghi nhận chi tiết tại Biên bản cuộc họp và ban hành Nghị quyết kết luận từng phiên họp trên tinh thần đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD, ĐTXD để ban hành các Nghị quyết và Quyết định, nhằm tăng cường công tác quản trị, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, đưa ra những quyết sách kịp thời giúp Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các văn bản do HĐQT ban hành dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao cho.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Lê Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát			
2	Nguyễn Minh Hải	Thành viên BKS Ctr	20.042	0,020%	
3	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên BKS	7.342	0,007%	
4	Masahiro Yamaguchi	Thành viên BKS			
6	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên BKS			

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp. Thông qua các cuộc họp này, Ban kiểm soát đã thực hiện phân công các nhiệm vụ, tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát, thảo luận và thống nhất các nội dung như sau:

- Cuộc họp ngày 28/3/2024 xem xét hồ sơ của các công ty kiểm toán và thống nhất danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024.
- Cuộc họp ngày 29/3/2024 về Kiểm soát tình hình hoạt động năm 2023 tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Cuộc họp ngày 30/8/2024 về kiểm soát tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2024 tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT; xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến về chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

Ban kiểm soát đã tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát định kỳ tại Văn phòng Công ty đảm bảo các hoạt động SXKD, ĐTXD tuân thủ đúng theo định hướng và chỉ đạo của ĐHĐCĐ cũng như tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát cũng thực hiện theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện kế hoạch của Công ty; Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty VNPD với các bên có liên quan; Thẩm tra BCTC năm 2023 và BCTC bán niên năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty. Đồng thời, Ban kiểm soát còn giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

Các thành viên Ban kiểm soát luôn chủ động phối hợp trao đổi với nhau và với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành cùng các cán bộ quản lý nhằm tháo gỡ các khó khăn đưa ra những phương hướng giải quyết kịp thời cho Công ty. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tính hợp lý, giám sát hoạt động của HĐQT, các công việc do Ban điều hành triển khai và thực hiện.

Các hoạt động khác của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tham gia góp ý trong công tác xây dựng, sửa đổi, ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty phục vụ cho công tác quản lý điều hành, tham gia góp ý trong công tác thực hiện các đề án của Công ty



CÁC GIAO DỊCH,
THÙ LAO VÀ CÁC
KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HĐQT, BAN
TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các
khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Tiền lương, thù lao	Tiền An toàn điện	Tổng cộng
Hội đồng quản trị:			1.247.364.000	85.165.000	1.332.529.000
Nguyễn Hoàng Đạo	CT HĐQT	12	741.828.000	85.165.000	826.993.000
Đỗ Đức Hùng	Thành viên	12	126.384.000	-	126.384.000
Nguyễn Đăng Khương	Thành viên	12	126.384.000	-	126.384.000
Trần Văn Được	Thành viên	12	126.384.000	-	126.384.000
Nguyễn Loan	Thành viên	12	126.384.000	-	126.384.000
Ban kiểm soát			920.424.000	-	920.424.000
Lê Mai Hạnh	Trưởng BKS	12	98.916.000	-	98.916.000
Nguyễn Minh Hải	TV BKS chuyên trách	12	631.932.000	-	631.932.000
Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	12	94.788.000	-	94.788.000
Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	12	94.788.000	-	94.788.000
Ban Tổng giám đốc			2.266.698.000	254.300.000	2.520.998.000
Ngô Quốc Huy	Tổng giám đốc	12	714.348.000	77.552.000	791.900.000
Phạm Đình Lê	Phó TGD	12	631.932.000	73.745.000	705.677.000
Nguyễn Tùng Phương	Phó TGD	12	631.932.000	69.938.000	701.870.000
Bùi Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	06	288.486.000	33.065.000	321.551.000
Tổng cộng NQL:			4.434.486.000	339.465.000	4.773.951.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Tepco Renewable Power Singapore Pte. Ltd	Người có liên quan của Người nội bộ	26.655.000	25,01%	32.031.889	30.05%	Mua CP

Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Chi tiết các hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ được thể hiện tại Phụ lục 2: Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty, hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ ban hành kèm theo Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 của Công ty và văn bản công bố thông tin số 370/VNPD-VP.HĐQT ngày 26/3/2025.

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079 (Cấp ngày 26/05/1998)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	Nghị quyết số 754/NQ-VNPD-HĐQT ngày 12/07/2017; Nghị quyết 610/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2018; Nghị quyết số 1771/NQ-HĐQT ngày 30/11/2023 về việc điều chỉnh Qc và hệ số alpha KHPP &BHPP	Mua bán điện NMTĐ Bắc Bình Mua bán điện NMTĐ Bắc Bình (Điện năng nhận)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079 (Cấp ngày 26/05/1998)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	Nghị quyết số 754/NQ-VNPD-HĐQT ngày 12/07/2017; Nghị quyết 610/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2018; Nghị quyết số 1771/NQ-HĐQT ngày 30/11/2023 về việc điều chỉnh Qc và hệ số alpha KHPP &BHPP	Mua bán điện NMTĐ Khe Bố Mua bán điện NMTĐ Khe Bố (Điện năng nhận)
Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC)	EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0105946605 (Cấp ngày 17/07/2012)	Số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	Nghị quyết số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015	Mua bán điện NMTĐ Nậm Má
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4)	PECC4 là đơn vị liên kết EVN (EVN nắm giữ trên 50% cổ phần); EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	4200385474 (Cấp ngày 25/10/1999)	11 Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	2024	1106/QĐ-VNPD	Lập quy trình bảo trì công trình phần xây dựng Nhà máy Thủy điện Khe Bố, Bắc Bình, Nậm Má Tư vấn khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Cột nước thấp Phú Thọ
Công ty Điện lực Hà Giang (PC Hà Giang) - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc	PC Hà Giang là đơn vị trực thuộc EVNNPC; EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-022 (Cấp ngày 05/10/1998)	Số 15, đường Hồ Xuân Hương, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Quản lý vận hành trạm biến áp 31,5kVA-22/0,4kV và đường dây 22kV cấp điện cho cụm công trình đầu mối -Nhà máy thủy điện Nậm Má
Công ty Điện lực Bình Thuận (PC Bình Thuận)	PC Bình Thuận là đơn vị trực thuộc EVNSPC; EVNSPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300942001-012 (Cấp ngày 01/10/1998)	Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Quản lý vận hành tuyến đường dây 110kV Bắc Bình- Đại Ninh và 02 cột xuất tuyến Nhà máy thủy điện Bắc Bình năm 2024
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam (ETC2)	ETC2 là đơn vị trực thuộc EVNSPC; EVNSPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300942001-009 (Cấp ngày 05/10/1998)	22 bis Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Thí nghiệm định kỳ mẫu dầu máy biến thế chính 20MVA 11kV/115kV Nhà máy thủy điện Bắc Bình năm 2024

Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam (ETC2)	ETC2 là đơn vị trực thuộc EVNSPC; EVNSPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300942001-009 (Cấp ngày 05/10/1998)	22 bis Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Kiểm định định kỳ và thí nghiệm hệ thống đo đếm Nhà máy thủy điện Bắc Bình năm 2024
Công ty Điện lực Nghệ An (PC Nghệ An) - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc	PC Nghệ An là đơn vị trực thuộc EVNNPC; EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-015 (Cấp ngày 26/9/1993)	Số 2, đường Duy Tân, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Thuê vận hành đường dây 35kV nhánh rẽ thủy điện Khe Bố năm 2024 - Nhà máy thủy điện Khe Bố
Công ty Truyền tải điện 1 (PTC1)	PTC1 là đơn vị trực thuộc EVNNPT; EVNNPT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0102743068-005 (Cấp ngày 17/07/2008)	15 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	2024	1106/QĐ-VNPD	Cho thuê tài sản và trong coi bảo vệ thiết bị của NMTĐ Khe Bố tại TBA 220kV Vinh và TBA 220kV Đồ Lương
Công ty Truyền tải điện 1 (PTC1)	PTC1 là đơn vị trực thuộc EVNNPT; EVNNPT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0102743068-005 (Cấp ngày 17/07/2008)	15 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	2024	1106/QĐ-VNPD	Quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa Đường dây 220kV Đấu nối vào HTĐ Quốc gia - NMTĐ Khe Bố
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT) - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	EVNICT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079-010 (Cấp ngày 05/12/2012)	Số 11, phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì và vận hành giám sát kênh truyền kết nối tín hiệu cho Nhà máy thủy điện Bắc Bình về các Trung tâm Điều độ
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT) - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	EVNICT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079-010 (Cấp ngày 05/12/2012)	Số 11, phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Quản lý, vận hành và bảo dưỡng thiết bị viễn thông phục vụ SCADA cho Nhà máy Thủy điện Khe Bố
Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty thủy điện Đại Ninh (ĐN)	ĐN là đơn vị trực thuộc EVNGENCO1; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	5701662152-002 (Cấp ngày 10/01/2013)	Thôn Ninh Hòa, Xã Ninh Gia, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam		1106/QĐ-VNPD	Vận hành phát tuyến 110kV Đại Ninh - Bắc Bình tại ngăn lộ mở rộng trạm phân phối 110/220kV Đại Ninh
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc (NPCIT) - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC)	NPCIT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-041 (Cấp ngày 21/9/2005)	Số 11, phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024	1106/QĐ-VNPD	Duy trì vận hành hệ thống đọc và truyền dữ liệu công tơ điện tử từ xa tại NMTĐ Nậm Má

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Công bố thông tin

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam luôn có ý thức tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác liên quan về quản trị công ty đại chúng. Trong năm 2024, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng. Nhờ thực hiện nghiêm túc và minh bạch, Công ty không bị xử phạt hành chính liên quan đến vi phạm công bố thông tin. Điều này thể hiện cam kết tuân thủ pháp luật, nâng cao uy tín và sự tin cậy đối với cổ đông và nhà đầu tư.



Quản trị Quan hệ chất lượng



Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là đơn vị chủ quản của 03 nhà máy phát điện, sản phẩm của công ty là sản xuất điện bán cho Công ty mua bán điện. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ đều phải tuân theo Luật Điện lực và các tiêu chí của chất lượng điện năng được áp dụng theo Thông tư 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019.

Các nhà máy điện đã được nghiệm thu bởi các cơ quan chức năng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước khi đấu nối vào hệ thống lưới điện quốc gia.

Chất lượng điện năng đưa lên lưới điện hệ thống được đảm bảo các tiêu chí cơ bản như điện áp, tần số, tổ máy phát điện của nhà máy có khả năng phát công suất tác dụng định mức trong dải hệ số công suất từ 0,85 (ứng với chế độ phát công suất phản kháng) đến 0,9 (ứng với chế độ nhận công suất phản kháng). Nhà máy điện có công suất trên 30MW được đầu tư các trang thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống AGC đảm bảo kết nối ổn định, tin cậy, đáp ứng yêu cầu theo lệnh của điều độ của đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện được quy định tại Quy định về yêu cầu kỹ thuật và quản lý vận hành hệ thống SCADA do Cục Điều tiết điện lực ban hành.

Về dịch vụ cung cấp điện: công ty luôn chấp hành và đáp ứng yêu cầu cung cấp điện theo kế hoạch và theo chỉ đạo của EVN và GENCO1.

Hiệu quả đạt được trong việc cung cấp điện và chất lượng điện năng luôn luôn đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật và tuân theo Luật điện lực.

Công ty luôn cải tiến và nâng cấp các thiết bị vận hành và thiết bị điều khiển có chất lượng cao hơn để đảm bảo độ tin cậy và nâng cao hệ số khả dụng của tổ máy.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo
[92]

Mục tiêu phát triển
bền vững
[94]

Đánh giá của Ban Tổng
Giám đốc
[95]

Các chỉ tiêu phát triển
bền vững
[98]





GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2024 của Công ty nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung súc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của VNPD ở khía cạnh phát triển bền vững. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2024, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, tham khảo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước và IFC và bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI).

Địa chỉ liên hệ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Điện thoại: 024.22131580
- Fax: 024.35527987

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn thấu hiểu rằng, một doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi đảm bảo sự hài hòa giữa con người, môi trường và lợi nhuận. Đây là ba yếu tố cốt lõi tạo nên sự ổn định, giúp doanh nghiệp vươn xa và phát triển mạnh mẽ trong dài hạn. Việc thiếu hụt bất kỳ yếu tố nào cũng sẽ làm mất đi sự cân bằng, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và giá trị mà doanh nghiệp mang lại cho xã hội.

Trong suốt những năm qua, bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu tài chính và gia tăng lợi nhuận, VNPD luôn kiên định với cam kết phát triển bền vững, gắn liền với sự phát triển của xã hội. Công ty không chỉ đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả mà còn thực hiện các chính sách thiết thực, góp phần xây dựng một cộng đồng vững mạnh, nhân văn. Chúng tôi đặt trọng tâm vào việc cân bằng giữa lợi ích của doanh nghiệp với đời sống của người lao động, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và mang đến giá trị bền vững cho khách hàng và xã hội. Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

Đối với trình độ phát triển:

- Không ngừng nâng cao năng lực quản trị, vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa hệ thống sản xuất.
- Xây dựng mô hình phát triển linh hoạt, thích ứng nhanh với xu thế toàn cầu.

Đối với văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sáng tạo và đổi mới.
- Tạo động lực phát triển bền vững dựa trên tinh thần đoàn kết và trách nhiệm.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội của từng cá nhân trong tổ chức.

Đối với người lao động:

- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, hiện đại, thân thiện.
- Quan tâm đến điều kiện lao động, phúc lợi và thu nhập của nhân viên.
- Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề.

Đối với cổ đông:

- Phát triển mở rộng giá trị mới, nâng cao lợi nhuận bền vững.
- Duy trì và phát huy những giá trị cốt lõi nhằm tạo dựng niềm tin và sự gắn kết lâu dài.
- Minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

Đối với cộng đồng xã hội:

- Cam kết đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.
- Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình sản xuất xanh, sạch và bền vững.

Với những định hướng chiến lược rõ ràng, VNPD không ngừng nâng cao giá trị của doanh nghiệp, đóng góp tích cực cho cộng đồng và khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường. Chúng tôi cam kết tiếp tục theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, đặt lợi ích của con người và xã hội lên hàng đầu, hướng tới một tương lai thịnh vượng và bền vững cho tất cả các bên liên quan.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm và quán triệt đến từng cán bộ, nhân viên việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường. Công ty cam kết giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, hạn chế ô nhiễm trong hoạt động sản xuất, đồng thời không để xảy ra bất kỳ vi phạm nào liên quan đến môi trường.

Để hiện thực hóa cam kết này, Công ty giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng ban trong việc triển khai chính sách môi trường, chủ động đề xuất các sáng kiến cải tiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường lao động và thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường trong toàn thể nhân viên. Công ty không ngừng nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi theo hướng phát triển bền vững, xây dựng một môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn.

Các dự án đầu tư hiện tại và trong tương lai đều được định hướng theo tiêu chuẩn xanh, ứng dụng công nghệ tiên tiến cùng hệ thống xử lý chất thải hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường. Với sự chủ động và chiến lược bền vững, Công ty không chỉ đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn đóng góp tích cực vào công cuộc bảo vệ môi trường, phát triển hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm xã hội.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Hiểu rằng người lao động chính là tài sản quý giá nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn đặt việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và cải thiện thu nhập cho nhân viên vào trọng tâm chiến lược phát triển. Trong năm 2024, Công ty không chỉ thực hiện đầy đủ các chính sách dành cho người lao động mà còn liên tục nâng cao chế độ đãi ngộ, không để xảy ra bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan đến quyền lợi của nhân viên.

Cụ thể:

Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi luôn được đảm bảo. Công ty áp dụng cơ chế đánh giá thành tích minh bạch, triển khai chính sách tăng lương, thưởng vượt năng suất nhằm khuyến khích tinh thần làm việc và cống hiến của nhân viên, đồng thời quan tâm đến các chế độ phúc lợi nhằm nâng cao đời sống người lao động.

Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định của Nhà nước và chính sách riêng của Công ty. Tất cả các chế độ về thời gian làm việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đều được thực hiện nghiêm túc. Công ty cũng thanh toán đầy đủ các trợ cấp ốm đau, thai sản theo quy định, đồng thời áp dụng nhiều chế độ phúc lợi riêng như trợ cấp hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, tổ chức sinh nhật cho nhân viên, khám sức khỏe định kỳ, chương trình khuyến học cho con em cán bộ công nhân viên...

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, các công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên VNPD chú trọng, quan tâm. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì tốt và đã có những đóng góp hỗ trợ giúp đỡ những địa phương gặp khó khăn do thiên tai, ủng hộ quỹ khuyến học, tết vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để xây nhà, ủng hộ xây dựng các công trình công cộng... Công ty tiếp tục triển khai các chương trình, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương.

Các Nhà máy thủy điện trực thuộc VNPD không chỉ tạo thu nhập cho người dân mà còn giúp điều hòa cho nông nghiệp thủy lợi, sinh hoạt của người dân vùng hạ du nhất là vào mùa khô.

- Nằm trong hệ sinh thái các Nhà máy thủy điện, nguồn năng lượng có được từ nước nên các NMTĐ trực thuộc VNPD góp phần giúp giảm bớt ô nhiễm môi trường, thải ra rất ít khí hiệu ứng nhà kính so với các nguồn năng lượng khác do vậy giảm sự nóng lên của trái đất.
- Các NMTĐ trực thuộc VNPD vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa, xả lũ theo dòng chảy tự nhiên đến hồ không gây lũ đột xuất cho hạ du, làm giảm tối đa tác động của lũ cho vùng hạ du.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Cụ thể trong năm 2024, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ chứa Khe Bốc - Sông Lam - huyện Tương Dương - tỉnh Nghệ An; Hồ chứa Bắc Bình - Sông Lũy - huyện Bắc Bình - tỉnh Bình Thuận; Suối Nậm Má - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang.
- Lượng nước sử dụng/năm:

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bốc	7.054,83 tr. m3
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	613,78 tr.m3
Trạm thủy điện Nậm Má	70,85 tr. m3
Tổng cộng	7.739,46 tr m3

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bốc	2.279.000 kWh
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	1.396.000 kWh
Nhà máy thủy điện Nậm Má	120.000 kWh
Tổng cộng	3.795.000 kWh

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Công ty luôn đặt trách nhiệm môi trường lên hàng đầu, xem đây là một trong những yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững. Ban lãnh đạo Công ty không ngừng hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu của pháp luật, đồng thời hướng đến mục tiêu xây dựng một môi trường làm việc xanh - sạch - an toàn.

Công ty cam kết chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thể hiện qua việc thực hiện đúng các nghĩa vụ và trách nhiệm trong lĩnh vực này, bao gồm:

Đóng thuế và phí môi trường theo quy định, bao gồm thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, góp phần vào công tác quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia.

Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn đập và vận hành hồ chứa, đảm bảo hệ thống đập, hồ chứa hoạt động ổn định, không gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và đời sống người dân xung quanh. Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ quy trình vận hành hồ chứa nước theo quy định của cơ quan chức năng nhằm duy trì sự cân bằng tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước và hệ sinh thái tự nhiên.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng môi trường lao động: Công ty áp dụng các biện pháp hạn chế ô nhiễm trong quá trình sản xuất, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn an toàn, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật, Công ty còn chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Các sáng kiến như sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, tái chế và xử lý chất thải hợp lý luôn được đẩy mạnh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái.

Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ các quy định về môi trường, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường một cách nghiêm túc. Thành tựu này không chỉ góp phần nâng cao uy tín của Công ty trong ngành mà còn khẳng định sự phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm cộng đồng.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể trong năm 2024, Công ty đã thực hiện như sau:

- Nộp thuế tài nguyên nước : 52,17 tỷ đồng
- Nộp phí dịch vụ môi trường rừng : 18,70 tỷ đồng
- Quyền khai thác nước mặt : 6,17 tỷ đồng

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lao động bình quân trong năm (bao gồm tổng số NLĐ và NQL tại Công ty):

135 Lao động

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi cho người lao động, Công ty luôn đặt yếu tố con người lên hàng đầu, coi đây là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai và duy trì nhiều chính sách thiết thực nhằm bảo vệ quyền lợi của cán bộ công nhân viên (CBCNV), tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và ổn định.

- Công ty đã xây dựng và ban hành hàng loạt quy trình, quy định liên quan đến an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của người lao động, bao gồm: Quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định thực hành tốt 5S... Những quy định này không chỉ đảm bảo người lao động tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về an toàn mà còn nâng cao nhận thức, trách nhiệm của từng cá nhân trong việc giữ gìn môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc với tần suất 1 lần/năm cho khối văn phòng và 2 lần/năm cho khối trực tiếp sản xuất. Việc này giúp CBCNV theo dõi tình trạng sức khỏe, phát hiện sớm các vấn đề để có phương án điều trị và chăm sóc kịp thời.
- Công ty trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, nhân viên vận hành tại các nhà máy và công trường, đảm bảo đáp ứng đúng các tiêu chuẩn về an toàn lao động.

- Thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ứng phó tình huống khẩn cấp, giúp người lao động nâng cao kỹ năng thực hành an toàn trong công việc, giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động.
- Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi được triển khai nhằm tạo động lực làm việc và gắn bó lâu dài cho CBCNV, đặc biệt là đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn cao. Chính sách đãi ngộ công bằng, minh bạch giúp thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Bên cạnh các chính sách an toàn và phúc lợi, Công ty đặc biệt chú trọng đến đào tạo và phát triển nhân lực, giúp CBCNV không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng, đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập ngày càng sâu rộng.
- Số giờ đào tạo trung bình và phân loại theo nhân viên
 - Công ty luôn duy trì và mở rộng các chương trình đào tạo hàng năm với số giờ đào tạo trung bình được phân bổ hợp lý theo từng nhóm nhân sự. Việc này đảm bảo tất cả CBCNV đều có cơ hội được học tập, nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển bản thân và sự nghiệp.
 - Chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng
 - Trong năm 2024, Công ty đã triển khai nhiều khóa

STT	Chỉ tiêu lao động tiền lương	ĐVT	KH 2024	TH 2024	(%) TH
I	Lao động bình quân		135	135	
1	Người quản lý	Người	16	16	100
2	Người lao động	Người	119	119	100
II	Tiền lương, thù lao		44.598,047	48.120,953	107,9%
1	Người quản lý		4.469,853	4.773,951	106,8
1.1	Tiền lương, thù lao	Triệu	4.125,600	4.434,486	107,5
1.2	Chế độ ATĐ NQL chuyên trách	Triệu	344,253	339,465	98,6
2	Người lao động		40.128,194	43.347,002	108,0
2.1	Tiền lương	Triệu	35.828,520	38.773,056	108,2
2.2	Chế độ ATĐ	Triệu	4.299,674	4.573,946	106,4

đào tạo với nội dung đa dạng, phục vụ cả nhu cầu đào tạo dài hạn và ngắn hạn. Các chương trình đào tạo không chỉ tập trung vào chuyên môn nghiệp vụ mà còn bao gồm kỹ năng mềm, quản lý và các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số, an toàn lao động, pháp luật... Công ty đã bố trí cho các CBCNV tham gia các khóa đào tạo dài hạn như: Đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích. Đối với các khóa đào tạo ngắn hạn, Công ty đã cho các CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do EVN, EVNGENCO1 và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau: Đào tạo CBQL cấp 3, cấp 4; Đào tạo nhận thức CĐS; Đào tạo công tác bảo vệ môi trường; Đào tạo công tác lập và giao nộp hồ sơ công việc; Đào tạo nghiệp vụ đấu thầu; Đào tạo nhận thức chung và đánh giá nội bộ

theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017; Đào tạo Nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ; Đào tạo chuyên sâu về Hệ thống quản lý đào tạo trong doanh nghiệp; Đào tạo an toàn thông tin; Tập huấn rà soát thanh, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp, kỹ năng xử lý các tình huống; ...

- Quỹ tiền lương thù lao thực hiện năm 2024 của NQL đạt 107,5% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt.
- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của NLĐ đạt 108,2% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024 KIỂM TOÁN

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”



MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch
Ông Ngô Quốc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên
Ông Yoshiyuki Ueda	Thành viên
Ông Naruomi Samejima	Thành viên
Ông Trần Văn Được	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Loan	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Lê Mai Hạnh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Masahiro Yamaguchi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ngô Quốc Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tùng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Quốc Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số: 377/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322.687.591.844	253.332.124.339
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	221.236.483.252	49.681.302.435
Tiền	111		61.236.483.252	24.681.302.435
Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.167.565.565	202.125.079.062
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	77.805.880.086	195.088.244.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.167.425.239	6.565.027.976
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.932.479.955	1.407.032.370
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(738.219.715)	(935.226.248)
Hàng tồn kho	140	10	6.779.350.589	1.348.129.884
Hàng tồn kho	141		6.779.350.589	1.348.129.884
Tài sản ngắn hạn khác	150		504.192.438	177.612.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	503.596.314	168.732.720
Thuế GTGT được khấu trừ	152		596.064	478.064
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	60	8.402.174
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.415.193.894.847	1.563.472.870.761
Tài sản cố định	220		1.377.160.213.515	1.525.297.750.480
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.372.088.219.486	1.519.880.610.101
- Nguyên giá	222		3.522.168.277.193	3.512.786.696.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.150.080.057.707)	(1.992.906.086.404)
Tài sản cố định vô hình	227	13	5.071.994.029	5.417.140.379
- Nguyên giá	228		6.871.318.875	6.871.318.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.799.324.846)	(1.454.178.496)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.847.847.480	2.548.474.001
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	3.847.847.480	2.548.474.001
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.950.000.000	1.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	14	1.950.000.000	1.950.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		32.235.833.852	33.676.646.280
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	3.907.950.808	5.137.810.784
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	28.327.883.044	28.538.835.496
TỔNG TÀI SẢN	270		1.737.881.486.691	1.816.804.995.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		334.547.197.187	248.536.968.652
Nợ ngắn hạn	310		314.547.197.187	169.776.580.901
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.681.923.957	9.649.470.558
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.460.000	102.460.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	31.419.514.955	18.571.435.120
Phải trả người lao động	314		11.228.064.911	6.110.892.085
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.529.341.396	10.634.889.874
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	183.764.505.072	31.002.178.594
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	58.760.387.751	89.166.666.671
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.060.999.145	4.538.587.999
Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	78.760.387.751
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	20.000.000.000	78.760.387.751
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.403.334.289.504	1.568.268.026.448
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.403.334.289.504	1.568.268.026.448
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.828.340.998	12.760.567.812
Quỹ đầu tư phát triển	418		58.561.799.885	62.629.573.071
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		259.084.382.181	424.018.119.125
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.856.206.776	233.518.613.740
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		212.228.175.405	190.499.505.385
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.737.881.486.691	1.816.804.995.100

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hà

Bùi Thị Thu Trang

Ngô Quốc Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	586.228.643.980	541.884.685.591
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		586.228.643.980	541.884.685.591
Giá vốn hàng bán	11	23	275.105.948.451	262.821.661.412
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		311.122.695.529	279.063.024.179
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.656.601.699	1.567.980.159
Chi phí tài chính	22	25	10.894.330.069	25.056.653.158
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.531.782.341	23.991.446.426
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	43.937.277.730	36.756.232.193
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		258.947.689.429	218.818.118.987
Thu nhập khác	31	27	7.076.403.112	1.227.307.756
Chi phí khác	32	28	199.235.712	24.032.985
Lợi nhuận khác	40		6.877.167.400	1.203.274.771
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		265.824.856.829	220.021.393.758
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	53.596.681.424	29.521.888.373
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		212.228.175.405	190.499.505.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.991	1.649
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.991	1.649

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hà

Bùi Thị Thu Trang

Ngô Quốc Huy



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		740.417.712.382	572.347.013.750
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(19.427.563.649)	(22.696.799.265)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(42.465.213.079)	(40.666.848.553)
Tiền lãi vay đã trả	4		(9.953.980.156)	(25.982.446.557)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(42.137.427.481)	(33.342.225.444)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		269.147.902	1.440.604.463
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(155.672.806.911)	(151.032.480.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		471.029.869.008	300.066.818.391
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.852.927.721)	(5.524.860.047)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.724.874.956	1.618.025.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.128.052.765)	(3.906.834.547)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(89.166.666.671)	(212.833.333.337)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(209.181.459.155)	(136.764.670.683)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(298.348.125.826)	(349.598.004.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		171.553.690.417	(53.438.020.176)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	49.681.302.435	103.119.419.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.490.400	(97.200)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	221.236.483.252	49.681.302.435

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hà

Bùi Thị Thu Trang

Ngô Quốc Huy



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/12/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 1.065.896.290.000 đồng; tương đương 106.589.629 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện (trừ xây dựng, vận hành điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện làm việc môi trường không nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có cấp điện áp từ 01kV đến 220kV;
- Các hoạt động khác chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; Mã số doanh nghiệp 0101264520, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/12/2023.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2024, do tình hình thủy văn thuận lợi, lượng nước về hồ cao hơn so với dự báo từ đầu năm và cao hơn so với năm trước dẫn đến doanh thu điện tăng so với năm trước 44.343.958.389 đồng, tương ứng tăng 8,18%. Trong khi đó, do đặc thù của hoạt động thủy điện, chi phí cố định như chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí nên giá vốn chỉ tăng so với năm trước là 12.284.287.039 đồng. Các yếu tố trên là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế tăng từ 190.499.505.385 đồng năm trước lên 212.228.175.405 đồng năm nay.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty (bao gồm cả Nhà máy Thủy điện Nậm Mả)	Hà Nội	Sản xuất – bán điện
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm Tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

1.7 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 126 người (tại ngày 31/12/2023 là 124 người).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.4 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Trung tâm tư vấn thiết kế là chi phí phát sinh tương ứng với khối lượng công việc tư vấn đã cung cấp nhưng chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Công ty đã thực hiện tạm tăng nguyên giá TSCĐ của Nhà máy Thủy điện Khe Bó đối với các tài sản đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2013 theo dự toán được phê duyệt. Năm 2018, trên cơ sở ý kiến của Kiểm toán Nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 706/EVN-TCKT ngày 09/02/2018, Công ty thực hiện điều chỉnh nguyên giá các tài sản cố định tại nhà máy này theo chi phí đầu tư XDCB thực tế bao gồm cả giá trị bồi thường, di dân và tái định cư đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu theo khối lượng thi công thực tế của từng hạng mục. Năm 2024, Công ty thực hiện điều chỉnh nguyên giá những tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Khe Bó được quyết toán Giai đoạn 1 theo giá trị quyết toán được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 1279/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2024.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46,4
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 08

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, chương trình phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (46,4 – 66 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như sau: (i) Phân bổ dần vào chi phí trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm đối với những tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên; (ii) Ghi nhận toàn bộ một lần vào chi phí SXKD trong kỳ đối với những tài sản có giá trị dưới 30 triệu đồng.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác của Công ty bao gồm chi phí như cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí kiểm định an toàn đập,... theo thời hạn cụ thể được quy định.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán như chi phí lãi vay, chi phí đi dân và tái định cư và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chi trả cổ tức của Công ty cùng với Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Văn bản số 68170/CT-HTr ngày 21/10/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, thu nhập tính thuế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo hoặc miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Công ty đã áp dụng hình thức ưu đãi miễn thuế 2 năm và được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo; đến năm 2024, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% thuế TNDN.

Việc miễn, giảm thuế TNDN nêu trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác chịu mức thuế suất phổ thông 20%.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không phải lập Báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	243.950.900	409.170.100
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.992.532.352	24.272.132.335
- Các khoản tương đương tiền (*)	160.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	221.236.483.252	49.681.302.435

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội và Chi nhánh Tây Hồ với tổng giá trị 160.000.000.000 đồng, lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,4%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	503.596.314	168.732.720
- Chi phí bảo hiểm	329.596.314	168.732.720
- Các khoản khác	174.000.000	-
b) Dài hạn	3.907.950.808	5.137.810.784
- Quyền sử dụng đất có thời hạn trả tiền 01 lần (*)	766.788.091	787.011.071
- Chi phí cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt	979.629.995	1.122.913.265
- Các khoản khác	2.161.532.722	3.227.886.448
Cộng	4.411.547.122	5.306.543.504

(*) Chi phí sử dụng đất trả tiền một lần tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có thời hạn 66 năm kể từ năm 2010, với diện tích sử dụng là 14.141 m².

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Hạng mục xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Nhà máy Thủy điện Khe Bó	2.491.092.250	2.218.444.392
- Công trình khác	1.356.755.230	330.029.609
Cộng	3.847.847.480	2.548.474.001

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Tầng 2 – CT2 – 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị VND	Giá trị VND
a) Ngắn hạn	77.805.880.086	195.088.244.964
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.541.734.217	193.429.908.479
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	3.223.823.319	1.618.013.935
- Các đối tượng khác	40.322.550	40.322.550
b) Dài hạn	-	-
Cộng	77.805.880.086	195.088.244.964

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị VND	Giá trị VND
a) Ngắn hạn	6.167.425.239	6.565.027.976
- Hội đồng bồi thường, GPMB huyện Tương Dương (*)	632.564.235	544.553.335
- Các khoản trả trước liên quan đến Ban quản lý Dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó (**)	5.281.288.114	5.325.148.908
- Trả trước cho người bán khác	253.572.890	695.325.733
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.167.425.239	6.565.027.976

(*) Là khoản kinh phí hoạt động phục vụ công tác bồi thường GPMB dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó của Hội đồng bồi thường, GPMB huyện Tương Dương theo Hợp đồng số 18/2007/HĐXD-VNPD ngày 20/08/2007 trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020 chưa được quyết toán.

(**) Là các khoản trả trước liên quan đến Ban quản lý Dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó chưa được quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	10.932.479.955	-	1.407.032.370	-
- Tạm ứng	242.468.133	-	648.687.076	-
- Phải thu khác (*)	10.690.011.822	-	758.345.294	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.932.479.955	-	1.407.032.370	-

(*) Bao gồm 9.991.587.997 đồng là khoản phải thu đối với Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2024 và tiền điện từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024 của Nhà máy Thủy điện Nậm Mả mà Công ty đang ghi nhận theo biểu giá phí tránh được năm 2024. Hiện nay Công ty và Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đang trong quá trình đàm phán giá bán điện mới.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.748.263.569	-	910.515.520	-
Công cụ, dụng cụ	2.751.124.032	-	160.491.376	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	279.962.988	-	277.122.988	-
Cộng	6.779.350.589	-	1.348.129.884	-

11. THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Thiết bị, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bó	25.222.357.290	-	25.408.883.951	-
- Thiết bị, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	3.105.525.754	-	3.129.951.545	-
Cộng	28.327.883.044	-	28.538.835.496	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
01/01/2024	1.841.668.198.786	1.651.824.414.513	14.445.637.379	4.848.445.827	3.512.786.696.505	
- Mua trong năm	44.940.000	2.218.000.000	922.900.458	1.152.882.728	4.338.723.186	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.747.284.277	3.295.573.225	-	-	5.042.857.502	
31/12/2024	1.843.460.423.063	1.657.337.987.738	15.368.537.837	6.001.328.555	3.522.168.277.193	
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(903.848.671.676)	(1.075.188.236.800)	(9.660.336.429)	(4.208.841.499)	(1.992.906.086.404)	
- Khấu hao trong năm	(76.478.129.309)	(79.139.829.761)	(931.247.524)	(624.764.709)	(157.173.971.303)	
31/12/2024	(980.326.800.985)	(1.154.328.066.561)	(10.591.583.953)	(4.833.606.208)	(2.150.080.057.707)	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	937.819.527.110	576.636.177.713	4.785.300.950	639.604.328	1.519.880.610.101	
31/12/2024	863.133.622.078	503.009.921.177	4.776.953.884	1.167.722.347	1.372.088.219.486	

- Trong đó, bao gồm giá trị các hạng mục tái định cư công trình Nhà máy Thủy điện Khe Bó nhà thầu không xuất được hoá đơn do đã giải thể, đóng mã số thuế, không liên lạc được,... nhưng thực tế đã hoàn thành và đã được phê duyệt quyết toán là 10.679.544.889 đồng, giá trị khấu hao tương ứng của các hạng mục này trong năm là 613.794.380 đồng. Chi phí khấu hao này đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.256.433.157.998 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.386.893.957.831 đồng);
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 292.804.911.291 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 285.304.726.094 đồng);
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2024 là 1.921.702.309 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 35.800.000 đồng).

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		TSCĐ vô hình khác		Cộng
	VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ							
	01/01/2024	5.684.472.483	1.095.031.802	91.814.590	6.871.318.875		
	31/12/2024	5.684.472.483	1.095.031.802	91.814.590	6.871.318.875		
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
	01/01/2024	(892.778.615)	(469.585.291)	(91.814.590)	(1.454.178.496)		
	Khấu hao trong năm	(87.238.260)	(257.908.090)	-	(345.146.350)		
	31/12/2024	(980.016.875)	(727.493.381)	(91.814.590)	(1.799.324.846)		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
	01/01/2024	4.791.693.868	625.446.511	-	5.417.140.379		
	31/12/2024	4.704.455.608	367.538.421	-	5.071.994.029		

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, Nhà máy Thủy điện Khe Bó và Hà Nội được sử dụng xây dựng Nhà điều hành, Nhà máy thủy điện.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.564.531.941 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.603.928.565 đồng);

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 417.563.105 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 195.793.644 đồng);

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.950.000.000	-	(*)	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	1.950.000.000	-	(*)	1.950.000.000
Cộng	1.950.000.000	-	(*)	1.950.000.000

Giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn có trụ sở tại xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với tỷ lệ ích và quyền biểu quyết tương ứng là 11,6%, hoạt động chính là sản xuất điện năng. Khoản đầu tư này không có dấu hiệu tổn thất, vì thế Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	14.681.923.957	14.681.923.957	9.649.470.558	9.649.470.558
	580.974.101	580.974.101	580.974.101	580.974.101
	499.288.405	499.288.405	534.288.476	534.288.476
	13.601.661.451	13.601.661.451	8.534.207.981	8.534.207.981
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	14.681.923.957	14.681.923.957	9.649.470.558	9.649.470.558

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2024
	VND		VND		VND		VND
Thuế và các khoản phải nộp							
- Thuế giá trị gia tăng	1.486.615.108		44.593.184.691		43.689.602.950		2.390.196.849
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.637.979.185		53.596.681.424		42.137.427.481		21.097.233.128
- Thuế thu nhập cá nhân	343.345.512		2.893.933.690		2.957.693.945		279.585.257
- Thuế tài nguyên	2.526.890.267		52.686.595.852		52.165.209.638		3.048.276.481
- Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-		6.616.789.000		6.616.789.000		-
- Thuế môn bài	-		6.000.000		6.000.000		-
- Phí dịch vụ môi trường rừng	4.576.605.048		18.731.684.880		18.704.066.688		4.604.223.240
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		54.235.711		54.235.711		-
Cộng	18.571.435.120		179.179.105.248		166.331.025.413		31.419.514.955

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2024
	VND		VND		VND		VND
Thuế và các khoản phải thu							
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	8.402.174		48.152.464		39.750.350		60
Cộng	8.402.174		48.152.464		39.750.350		60

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND		VND		VND		VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	58.760.387.751		58.760.387.751		58.760.387.751		89.166.666.671	89.166.666.671
Vay dài hạn đến hạn trả	58.760.387.751		58.760.387.751		58.760.387.751		89.166.666.671	89.166.666.671
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (1)	19.200.000.000		19.200.000.000		19.200.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh Hà Nội (2)	39.560.387.751		39.560.387.751		39.560.387.751		59.166.666.671	59.166.666.671
b) Dài hạn	20.000.000.000		20.000.000.000		-		58.760.387.751	78.760.387.751
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (1)	-		-		-		19.200.000.000	19.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh Hà Nội (2)	20.000.000.000		20.000.000.000		-		39.560.387.751	59.560.387.751
Cộng	78.760.387.751		78.760.387.751		58.760.387.751		147.927.054.422	167.927.054.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7757730/HĐTD ngày 26/08/2015, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 247.200.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tài trợ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó để trả nợ cho dư nợ gốc của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội;
 - Thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên;
 - Lãi suất: Bình quân lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau khu vực dân cư được niêm yết bởi các ngân hàng BIDV, Vietcombank, Vietinbank, Agribank cộng biên độ 2,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội với các hợp đồng sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 01.TP/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 15.393.721.102 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc khoản vay đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội;
 - Thời hạn vay: đến ngày 31/12/2025;
 - Lãi suất cho vay: 7,69%/năm (được áp dụng đến ngày 30/04/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 02.MSB/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 54.166.666.655 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Cho vay để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc khoản vay đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân;
 - Thời hạn vay: đến ngày 20/07/2025;
 - Lãi suất cho vay: 7,69%/năm (được áp dụng đến ngày 29/02/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.
- (c) Hợp đồng mua nợ số 01/2023/7757730/HĐMN-ABB-BIDV ngày 23/10/2023, với các điều khoản sau đây:
- Số tiền vay: 64.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó;
 - Thời hạn vay: 10 năm;
 - Lãi suất cho vay: 6,4%/năm (được áp dụng đến ngày 31/08/2024) và sau đó áp dụng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - Biện pháp bảo đảm: Thế chấp một phần của toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.529.341.396	10.634.889.874
- Chi phí lãi vay	52.066.085	474.263.900
- Chi phí di dân và tái định cư dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó (*)	8.233.907.516	8.233.907.516
- Chi phí chế độ an toàn điện (**)	-	1.755.332.283
- Chi phí phải trả khác	243.367.795	171.386.175
b) Dài hạn	-	-
Cộng	8.529.341.396	10.634.889.874

(*) Theo hướng dẫn tại Văn bản số 706/EVN-TCKT ngày 09/02/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty thực hiện trích trước chi phí bồi thường, di dân và tái định cư đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu khối lượng để tạm tăng giá trị tài sản cố định đối với Nhà máy Thủy điện Khe Bó. Cơ sở trích trước dựa trên các hồ sơ phê duyệt quyết toán đền bù, biên bản kiểm tra hiện trường xác nhận khối lượng thi công, các hồ sơ ký kết và đánh giá kỹ thuật với nhà thầu. Tại ngày 31/12/2024, số dư còn lại của khoản chi phí trích trước này là chi phí xây dựng khu tái định cư dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó chưa được nghiệm thu quyết toán.

(**) Tiền an toàn điện là một khoản có tính chất tiền lương, do vậy, chi phí chế độ an toàn điện năm 2024 đã được ghi nhận và theo dõi như khoản phải trả người lao động.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	183.764.505.072	31.002.178.594
- Kinh phí công đoàn	84.741.079	82.331.273
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.853.449	4.097.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	183.628.910.544	30.915.749.521
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	183.068.038.707	29.844.759.262
+ Thù lao phải trả cho thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và không chuyên trách (*)	-	399.707.782
+ Phải trả, phải nộp khác	560.871.837	671.282.477
b) Dài hạn	-	-
Cộng	183.764.505.072	31.002.178.594

(*) Thù lao phải trả cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách và không chuyên trách là một khoản có tính chất tiền lương, do vậy, các khoản thù lao này trong năm 2024 đã được ghi nhận và theo dõi như khoản phải trả người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2023	1.065.896.290.000		2.963.476.440		9.119.370.903		66.270.769.980		388.600.951.714		1.532.850.859.037
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-		-
- Phân phối lợi nhuận + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành	-		-		-		-		190.499.505.385		190.499.505.385
+ Chia cổ tức	-		-		-		-		(155.233.315.323)		(155.233.315.323)
- Đầu tư TSCĐ từ quỹ đầu tư phát triển	-		-		3.641.196.909		(3.641.196.909)		(16.666.797.623)		(16.666.797.623)
- Hoàn nhập từ quỹ khen thưởng trích thừa các năm trước	-		-		-		-		(138.566.517.700)		(138.566.517.700)
31/12/2023	1.065.896.290.000		2.963.476.440		12.760.567.812		62.629.573.071		424.018.119.125		1.568.268.026.448
01/01/2024	1.065.896.290.000		2.963.476.440		12.760.567.812		62.629.573.071		424.018.119.125		1.568.268.026.448
- Lãi trong năm nay	-		-		-		-		212.228.175.405		212.228.175.405
- Phân phối lợi nhuận + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành (*)	-		-		-		-		(377.161.912.349)		(377.161.912.349)
+ Chia cổ tức (**)	-		-		-		-		(14.757.173.749)		(14.757.173.749)
- Đầu tư TSCĐ từ quỹ đầu tư phát triển	-		-		4.067.773.186		(4.067.773.186)		(362.404.738.600)		(362.404.738.600)
31/12/2024	1.065.896.290.000		2.963.476.440		16.828.340.998		58.561.799.885		259.084.382.181		1.403.334.289.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 627/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

(**) Phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 627/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 và tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 14% theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1688/NQ-HĐQT ngày 06/12/2024. Ghi nhận cổ tức phải trả theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C067/2024-VPD/VSDC-ĐK ngày 04/05/2024, số C286/2024-VPD/VSDC-ĐK ngày 01/08/2024, số C380/2024-VPD/VSDC-ĐK ngày 27/09/2024 và số C486/2024-VPD/VSDC-ĐK ngày 25/12/2024 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Tổng Công ty Phát điện 1	390.622.360.000	36,65%	390.622.360.000	36,65%
- Công đoàn Điện lực Việt Nam	34.611.010.000	3,25%	34.611.010.000	3,25%
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	113.116.570.000	10,61%	113.116.570.000	10,61%
- Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	320.318.890.000	30,05%	266.000.000.000	24,96%
- Vốn góp của các cổ đông khác	207.227.460.000	19,44%	261.546.350.000	24,53%
Cộng	1.065.896.290.000	100,00%	1.065.896.290.000	100,00%

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	362.404.738.600	138.566.517.700

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	106.589.629	106.589.629
Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629	106.589.629
Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	58.561.799.885	62.629.573.071

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

21.1 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

Tên khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp	13.694,90	Xây dựng văn phòng làm việc	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 19/02/2064. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp	725.969,90	Xây dựng văn phòng làm việc, nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/02/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Khe Bó, xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Nghệ An cấp	673.497,00	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến 08/08/2057. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Nhà máy Thủy điện Nậm Mả, xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, và tài sản gắn liền với đất số BĐ 132604 do UBND tỉnh Hà Giang cấp	77.690,00	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến 14/07/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

21.2 NGOẠI TỆ

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	1.620,00	1.620,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

21.3 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Các khoản công nợ khó đòi được xử lý trong năm do quá 03 năm tính từ thời điểm trích lập dự phòng nhưng chưa thu hồi được bao gồm:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Âu Lạc Brother	34.568.270	-
- Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	100.438.263	-
- Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi I (nay là Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP)	12.000.000	-
Cộng	197.006.533	-

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Nhà máy Thủy điện Nậm Mả	15.730.166.598	14.180.417.525
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	111.630.538.254	124.282.390.156
- Nhà máy Thủy điện Khe Bó	458.867.939.128	403.421.877.910
Cộng	586.228.643.980	541.884.685.591

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Nhà máy Thủy điện Nậm Mả	9.320.074.701	8.333.118.236
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	47.876.760.881	47.556.848.895
- Nhà máy Thủy điện Khe Bó	217.909.112.869	206.931.694.281
Cộng	275.105.948.451	262.821.661.412

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.518.092.899	1.371.570.759
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	136.500.000	195.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.490.400	1.409.400
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	518.400	-
Cộng	2.656.601.699	1.567.980.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	9.531.782.341	21.249.287.522
- Chi phí lãi trái phiếu	-	2.742.158.904
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	162.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	548.909.997
- Chi phí tài chính khác	1.362.547.728	516.134.735
Cộng	10.894.330.069	25.056.653.158

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	25.825.455.348	21.729.748.508
- Chi phí vật liệu quản lý	640.968.932	662.989.451
- Chi phí đồ dùng văn phòng	601.274.897	577.093.493
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.623.463.080	3.226.955.236
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	324.521.550	489.910.395
- Thuế, phí và lệ phí	196.317.667	175.641.071
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.572.370.656	2.237.332.965
- Chi phí bằng tiền khác	9.152.905.600	6.918.341.359
Cộng	43.937.277.730	36.756.232.193

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Xử lý công nợ (*)	3.132.654.280	-
- Thu nhập từ nhập lại kho sau kiểm kê	3.937.071.978	-
- Các khoản khác	6.676.854	1.227.307.756
Cộng	7.076.403.112	1.227.307.756

(*) Là khoản công nợ phải trả liên quan đến Công ty TNHH Hà Dung, nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Dung đối với Hợp đồng Thi công Gói thầu số 31 – (KBE-31): Xử lý sạt trượt đoạn Km148+000 - Km148+500 đường tránh ngập quốc lộ 7 – Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó số 22/2014/HĐXD-VNPD ngày 30/08/2014 và các phụ lục bổ sung. Đến ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Dung đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Truy thu, tiền chậm nộp thuế, phạt hành chính	199.235.711	24.032.985
- Các khoản chi phí khác	1	-
Cộng	199.235.712	24.032.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.208.013.566	1.198.193.616
- Chi phí nhân công	52.060.261.318	45.892.159.299
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	805.921.534	901.599.665
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.519.117.653	160.081.009.551
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.539.123.515	4.868.815.545
- Thuế, phí và lệ phí	78.035.069.732	68.749.471.340
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.447.686.230	7.309.349.378
- Chi phí bằng tiền khác	12.430.872.633	9.840.735.496
Cộng	319.046.066.181	299.579.553.605

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	265.824.856.829	220.021.393.758
* Lợi nhuận kế toán trước thuế hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN tại Nhà máy Khe Bó	-	146.612.809.942
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	866.809.310
- Khấu hao TSCĐ của tài sản không có hóa đơn hợp lệ	-	611.569.572
- Các khoản không được trừ khác	-	255.239.738
Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN	-	147.479.619.252
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại nhà máy Khe Bó	-	14.747.961.925
* Lợi nhuận kế toán trước thuế theo thuế suất phổ thông (20%)	265.824.856.829	73.408.583.816
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.077.803.807	626.502.481
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	505.536.000	503.204.000
- Khấu hao TSCĐ của tài sản không có hóa đơn hợp lệ	613.794.380	-
- Các khoản không được trừ khác	958.473.427	123.298.481
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(136.500.000)	(195.000.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế	(136.500.000)	(195.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (20%)	267.766.160.636	73.840.086.297
Chi phí thuế TNDN trên thuế suất 20%	53.553.232.127	14.768.017.260
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	43.449.296	5.909.188
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	53.596.681.424	29.521.888.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	212.228.175.405	190.499.505.385
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.757.173.749)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	212.228.175.405	175.742.331.636
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	106.589.629	106.589.629
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.991	1.649

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 627/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 1.649 VND/Cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 1.787 VND/Cổ phiếu). Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.236.483.252	49.681.302.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.738.360.041	196.495.277.334
Cộng	309.974.843.293	246.176.579.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính (tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo

Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Vay và nợ	58.760.387.751	20.000.000.000	78.760.387.751
Phải trả người bán và phải trả khác	198.446.429.029	-	198.446.429.029
Chi phí phải trả	8.529.341.396	-	8.529.341.396
Cộng	265.736.158.176	20.000.000.000	285.736.158.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
01/01/2024			
Vay và nợ	89.166.666.671	78.760.387.751	167.927.054.422
Phải trả người bán và phải trả khác	40.651.649.152	-	40.651.649.152
Chi phí phải trả	10.634.889.874	-	10.634.889.874
Cộng	140.453.205.697	78.760.387.751	219.213.593.448

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.236.483.252	-	221.236.483.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.738.360.041	-	88.738.360.041
Cộng	309.974.843.293	-	309.974.843.293
01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.681.302.435	-	49.681.302.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.495.277.334	-	196.495.277.334
Cộng	246.176.579.769	-	246.176.579.769

34. THÔNG TIN KHÁC

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty: theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty niên yết năm 2024 số 122/BC-VNPD ngày 21/01/2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Văn bản số 366/VNPD-HDQT ngày 26/03/2025 về việc đính chính nội dung trong Báo cáo quản trị năm 2024:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông lớn
Tepco Renewable Power Singapore Pte. Ltd.	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty (tiếp):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Tổng Công ty Phát điện 1
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Truyền tải điện 1	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty liên kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Điện lực Bình Thuận	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Điện lực Nghệ An – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Điện lực Hà Giang – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc – đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh	Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Phát điện 1
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, Công ty có giao dịch và số dư với các Bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	586.228.643.980	541.853.317.979
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	570.498.477.382	527.704.268.066
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.730.166.598	14.149.049.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp):

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng	2.071.002.688	2.093.260.278
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	906.659.086	1.043.529.465
- Công ty Truyền tải điện 1	257.160.519	257.160.519
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	338.507.403	330.029.609
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	208.821.878	70.700.054
- Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh	163.710.000	163.710.000
- Công ty Điện lực Bình Thuận	57.566.036	79.814.073
- Công ty Điện lực Hà Giang - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc	12.070.962	80.062.754
- Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	18.000.000	18.000.000
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	108.506.804	50.253.804
Cổ tức ghi nhận phải trả	291.947.402.200	104.565.492.200
- Tổng Công ty Phát điện 1	132.811.602.400	50.780.906.800
- Công đoàn Điện lực Việt Nam	11.767.743.400	4.499.431.300
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	38.459.633.800	14.705.154.100
- Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	108.908.422.600	34.580.000.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	77.765.557.536	195.047.922.414
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.541.734.217	193.429.908.479
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	3.223.823.319	1.618.013.935
Phải thu khác	10.118.787.997	271.680.000
- Tổng Công ty Phát điện 1 (thù lao người đại diện phần vốn)	127.200.000	271.680.000
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (tiền điện của Nhà máy Thủy điện Nậm Mả)	9.991.587.997	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán	861.166.399	517.833.919
- Công ty Truyền tải điện 1	277.733.361	277.733.361
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	356.587.995	-
- Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh	176.806.800	176.806.800
- Công ty Điện lực Bình Thuận	43.519.923	56.775.439
- Công ty Điện lực Hà Giang – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	6.518.320	6.518.319
Trả trước cho người bán	14.560.780	-
- Công ty Điện lực Nghệ An – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	14.560.780	-

Thu nhập của các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch	826.993.000	754.540.898
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên	126.384.000	116.124.000
Ông Nguyễn Văn Khóa (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên	-	38.708.000
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên	126.384.000	116.124.000
Ông Trần Văn Được	Thành viên	126.384.000	116.124.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên	-	38.708.000
Ông Nguyễn Loan	Thành viên	126.384.000	77.416.000
Cộng		1.332.529.000	1.257.744.898

Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Mai Hạnh	Trưởng ban	98.916.000	90.876.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	631.932.000	580.632.000
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	94.788.000	87.096.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	94.788.000	87.096.000
Ông Trần Tấn Nhật (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Thành viên	-	29.032.000
Cộng		920.424.000	874.732.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Thu nhập của các bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Thanh Tùng (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	Tổng Giám đốc	-	242.909.519
Ông Ngô Quốc Huy	Tổng Giám đốc	791.900.000	483.561.677
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc	705.677.000	646.224.474
Ông Nguyễn Tùng Phương	Phó Tổng Giám đốc	701.870.000	642.838.432
Bà Bùi Thị Thu Trang (Bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	Kế toán trưởng	321.551.000	-
Cộng		2.520.998.000	2.015.534.102

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hà

Bùi Thị Thu Trang

Ngô Quốc Huy

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐÌNH LÊ